



---

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**



**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**

**QUY HOẠCH BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI  
VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT  
QUẦN THỂ DI TÍCH TÂY SƠN THƯỢNG ĐẠO**

**ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN:  
THỊ XÃ AN KHÊ, HUYỆN ĐAK PƠ, HUYỆN KBANG,  
HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI**

**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:  
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**



---

**NĂM 2022**



**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH**

**QUY HOẠCH BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI  
VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT  
QUẦN THỂ DI TÍCH TÂY SƠN THƯỢNG ĐẠO**

**ĐỊA ĐIỂM: THỊ XÃ AN KHÊ, HUYỆN ĐAK PƠ, HUYỆN KBANG,  
HUYỆN KÔNG CHRO TỈNH GIA LAI**

**Chủ đầu tư  
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH TỈNH GIA LAI**

**Đơn vị tư vấn  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH  
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
VIỆT NAM**

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
<b>I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH .....</b>	<b>1</b>
<b>II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>2</b>
1. Căn cứ pháp lý.....	2
2. Các nguồn tài liệu, số liệu.....	4
3. Hệ thống tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.....	5
4. Các cơ sở bản đồ.....	5
<b>III. QUAN ĐIỂM LẬP QUY HOẠCH .....</b>	<b>5</b>
<b>IV. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>5</b>
1. Mục tiêu lập quy hoạch.....	6
2. Nhiệm vụ lập quy hoạch.....	6
<b>V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>7</b>
1. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch.....	7
2. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch.....	7
<b>VI. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH.....</b>	<b>7</b>
<b>CHƯƠNG II. NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP.....</b>	<b>9</b>
<b>I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....</b>	<b>9</b>
1. Vị trí địa lý và quan hệ vùng.....	9
2. Địa hình.....	13
3. Khí hậu.....	13
4. Thủy văn.....	14
5. Địa chất công trình.....	14
6. Cảnh quan thiên nhiên.....	14
<b>II. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI .....</b>	<b>14</b>
1. Thực trạng hoạt động du lịch.....	14
2. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khác.....	15
3. Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội đến khu vực lập quy hoạch.....	16
<b>III. NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT DI TÍCH.....</b>	<b>16</b>
1. Hiện trạng di tích.....	16
2. Hiện trạng quản lý sử dụng và phát huy giá trị di tích.....	24
<b>IV. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ CẢNH QUAN KHU VỰC.....</b>	<b>26</b>
1. Hiện trạng các quy hoạch, dự án có liên quan đến khu vực lập quy hoạch.....	26
2. Hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.....	26
<b>V. CÁC ĐẶC TRƯNG VÀ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA DI TÍCH .....</b>	<b>32</b>
1. Các đặc trưng của di tích.....	32
2. Các giá trị tiêu biểu của di tích.....	32
<b>VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG HIỆN TRẠNG. ....</b>	<b>34</b>
1. Điểm mạnh.....	34
2. Điểm yếu.....	35
3. Cơ hội.....	35

4. Thách thức.....	35
<b>CHƯƠNG III. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT.....</b>	<b>36</b>
<b>I. CÁC TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG CHÍNH CỦA KHU VỰC NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>36</b>
<b>II. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA KHU VỰC QUY HOẠCH.....</b>	<b>36</b>
1. Các chỉ tiêu về sử dụng đất.....	36
2. Các chỉ tiêu về hạ tầng.....	36
<b>CHƯƠNG IV. CÁC ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ.....</b>	<b>38</b>
<b>KHU DI TÍCH.....</b>	<b>38</b>
<b>I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH .....</b>	<b>38</b>
<b>II. MỤC TIÊU QUY HOẠCH.....</b>	<b>38</b>
1. Mục tiêu ngắn hạn.....	38
2. Mục tiêu dài hạn.....	38
<b>III. XÁC ĐỊNH RANH GIỚI CÁC KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH.....</b>	<b>38</b>
1. Xác định ranh giới các khu vực bảo vệ di tích.....	38
2. Ranh giới các khu vực bảo vệ di tích Tây Sơn thượng đạo.....	39
<b>IV. ĐỊNH HƯỚNG BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH.....</b>	<b>42</b>
1. Phương hướng chung đối với bảo quản tu bổ phục hồi di tích.....	42
2. Danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản.....	43
3. Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.....	45
4. Vùng bảo tồn, đối tượng và giải pháp bảo tồn.....	46
5. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể.....	49
<b>V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG.....</b>	<b>50</b>
1. Tiềm năng và động lực phát triển.....	50
2. Một số vấn đề phát huy giá trị di tích.....	50
3. Các sản phẩm, dịch vụ tại di tích.....	50
4. Định hướng sản phẩm và thị trường du lịch.....	51
5. Định hướng các tour, tuyến du lịch.....	52
6. Định hướng tuyên truyền, quảng bá.....	53
7. Đào tạo nguồn nhân lực và giáo dục cộng đồng.....	54
<b>VI. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN.....</b>	<b>54</b>
1. Nguyên tắc định hướng phát triển không gian khu vực quy hoạch.....	54
2. Đề xuất hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.....	54
3. Phân khu chức năng.....	55
4. Quy hoạch sử dụng đất.....	58
<b>VII. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....</b>	<b>58</b>
1. Giao thông.....	58
<b>CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC.....</b>	<b>63</b>
<b>I. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>63</b>

1. Môi trường tự nhiên.....	63
2. Môi trường xã hội.....	63
<b>II. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>64</b>
<b>III. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>65</b>
<b>CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ..</b>	<b>66</b>
<b>I. KHÁI TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>66</b>
1. Căn cứ lập khái toán kinh phí đầu tư.....	66
2. Kinh phí đầu tư xây dựng.....	66
3. Nguồn kinh phí thực hiện.....	66
<b>II. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ SẢN PHẨM.....</b>	<b>66</b>
1. Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ.....	66
<b>III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....</b>	<b>67</b>
1. Giải pháp về cơ chế hỗ trợ và thu hút vốn đầu tư.....	67
2. Giải pháp về tăng cường quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng và các hoạt động tại di tích.....	67
3. Giải pháp về phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.....	68
4. Giải pháp bảo tồn di tích và văn hóa địa phương.....	69
<b>IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>70</b>
1. Tổ chức thực hiện.....	70
2. Tiến độ thực hiện.....	70
3. Các cơ quan tham gia.....	70
4. Cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ.....	70

## CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

### I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH

Tây Sơn thượng đạo chính là căn cứ địa đầu tiên, nơi khởi phát của phong trào Tây Sơn; Tại nơi đây với sức mạnh quật cường, nghĩa quân Tây Sơn đã vùng lên và nhanh chóng lan tỏa thành một cuộc chiến tranh nông dân có quy mô toàn quốc vào thế kỷ XVIII.

Cuộc khởi nghĩa nông dân vĩ đại do anh em Tây Sơn lãnh đạo bùng nổ năm 1771 trên vùng núi rừng An Khê của Gia Lai. Chính từ căn cứ địa Tây Sơn thượng đạo ở An Khê, đại quân của cuộc khởi nghĩa đã tiến xuống đồng bằng cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng Đống Đa lẫy lừng, giành lại độc lập cho tổ quốc. Đây là một trong những mốc son chói lọi nhất trong lịch sử truyền thống đấu tranh yêu nước của đồng bào các dân tộc Gia Lai.

Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo gắn liền với giai đoạn đầu tiên của phong trào nông dân Tây Sơn, là bước nền tảng xây dựng nên triều đại Tây Sơn và anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Ngoài ra, còn thể hiện tinh đoàn kết của nhân dân miền xuôi với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên,... góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nói chung, xây dựng khối đoàn kết các dân tộc thiểu số nói riêng.

Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo có những giá trị to lớn về lịch sử - văn hóa và được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia

**Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo** gồm nhiều di tích liên quan đến cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Tây Sơn trên đất Gia Lai; chủ yếu trên địa bàn thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kông Chro và huyện Kbang, đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận di tích lịch sử - văn hóa quốc gia vào ngày 14/6/1991. Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; bao gồm các di tích:

- 1 - Lũy An Khê, An Khê trường, An Khê đình và Gò chợ;
- 2 - Miếu Xà, Cây Ké phát cờ, Cây Cây nổi trổng;
- 3 - Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào, Gò Kho; Xóm Ké;
- 4 - Đình Cừ An, Dinh Bà;
- 5 - Gò Đôn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho;
- 6 - Núi Hoàng Đế;
- 7 - Hòn đá Ông Nhạc;
- 8 - Vườn Mít và Cánh đồng Cô Hầu;
- 9 - Nền Nhà, Hồ Nước, Kho tiền Ông Nhạc..

Qua quá trình khảo sát, nghiên cứu nhận thấy thực trạng di tích có những vấn đề như sau:

Nhiều địa điểm trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo đã được xếp hạng giờ chỉ còn là phế tích, một số di tích chỉ còn dấu tích trước sự hủy hoại của thời gian.

- Di tích có nguy cơ bị tàn phá nghiêm trọng, bị người dân xâm lấn, thu hẹp.
- Một số hạng mục của di tích đã được trùng tu, xây dựng mới nhưng quần thể di tích này vẫn còn hoang phế và chưa tương xứng với các giá trị lịch sử - văn hóa của di tích.
- Quần thể di tích chưa được khai thác hiệu quả và tương xứng với tiềm năng.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng trên là do cho đến nay, quần thể di tích chưa lập được quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích để có cơ sở xác định ranh giới bảo vệ, các không gian phát triển du lịch, dịch vụ, những định hướng tôn tạo và phát huy giá trị của quần thể di tích... từ đó thiếu cơ sở pháp lý để triển khai các dự án đầu tư...

Chính vì vậy, việc lập *Quy hoạch tổng thể bảo quản, phục hồi, tu bổ và phát huy giá trị quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo trên đất Gia Lai* là nhiệm vụ cấp thiết, nhằm tạo cơ sở triển khai đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật với mục đích phục hồi, tôn tạo và phát huy giá trị của quần thể di tích trong việc giáo dục truyền thống văn hóa, truyền thống lịch sử, khai thác các tiềm năng để phát triển du lịch. Qua đó, nâng cao lòng tự hào và ý thức trách nhiệm của người dân đối với việc giữ gìn và kế thừa truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc.

## **II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH**

### **1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa X, kỳ họp thứ 9
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 7
- Luật Quy hoạch đô thị số 24/11/2017
- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIV, kỳ họp thứ 3
- Luật Bảo vệ môi trường số 17/11/2020
- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa
- Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định thi hành luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 Hướng dẫn thi hành Luật Du lịch;

- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/2/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP;
- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 16/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020;
- Quyết định số 2162/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 1194/QĐ-TTg ngày 22/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên đến năm 2030;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 1057/QĐ ngày 14/6/1991 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận khu di tích lịch sử văn hóa Tây Sơn thượng đạo;
- Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;
- Quyết định số 1210/QĐ-UB ngày 25/3/2005 của UBND Thị xã An Khê



về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu di tích lịch sử văn hóa Tây Sơn thượng đạo - thị xã An Khê;

- Quyết định số 51/QĐ-CT ngày 05/01/2007 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bảo tồn, tu bổ, tôn tạo An Khê trường, An Khê đình - tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình bảo tồn, tu bổ, tôn tạo An Khê trường, An Khê đình - tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

- Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017 - 2020;

- Công văn số 1760/BVHTTDL-DSVH ngày 17/5/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thỏa thuận chủ trương lập Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử về Phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai;

- Công văn số 2451/UBND-KGVX ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai lập Quy hoạch tổng thể di tích lịch sử về phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai;

- Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn thượng đạo);

- Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

## **2. Các nguồn tài liệu, số liệu**

- Các số liệu quy hoạch khu vực thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kbang và huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai;

- Bản đồ địa chính thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kbang và huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai;

- Bản đồ khoanh vùng bảo vệ Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo;

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, kinh tế - xã hội thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai tầm nhìn đến năm 2030;

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải tỉnh Gia Lai tầm nhìn đến năm 2030;

- Quy hoạch chi tiết khu di tích lịch sử văn hóa Tây Sơn thượng đạo - thị xã An Khê;

- Hồ sơ các diễm di tích;

- Tài liệu hội thảo khoa học Tây Sơn thượng đạo trong khởi nghĩa Tây Sơn tại An Khê ngày 23 - 24 tháng 11 năm 2017;

- Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật di tích sơ kỳ đá cũ tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai năm 2018;

### **3. Hệ thống tiêu chuẩn xây dựng hiện hành**

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2008/BXD ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 3 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”, mã số QCVN 07:2016/BXD, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng;

- Tuyển tập Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và văn bản pháp quy khác có liên quan khác được phép áp dụng theo quy định hiện hành...

### **4. Các cơ sở bản đồ**

- Bản đồ hành chính tỉnh Gia Lai;

- Bản đồ địa chính thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kbang và huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai;

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000, tỷ lệ 1/500 khu vực lập quy hoạch.

## **III. QUAN ĐIỂM LẬP QUY HOẠCH**

- *Quan điểm bảo tồn*: Bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của quần thể di tích (di tích, tâm linh, tín ngưỡng, lễ hội,...).

- *Quan điểm khai thác, phát huy giá trị di tích*: Các giá trị của quần thể di tích phải được phát huy để đáp ứng cho những nhu cầu của người dân và phát triển du lịch cho địa phương.

- *Quan điểm phát triển bền vững*: Tạo lập sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển là rất quan trọng nhằm bảo tồn và khai thác có hiệu quả các giá trị của di tích góp phần phát triển bền vững cho quần thể di tích.

## **IV. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH**

### **Tên đề án quy hoạch**

QUY HOẠCH BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI VÀ PHÁT HUY  
GIÁ TRỊ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT QUẦN THỂ DI TÍCH  
TÂY SƠN THƯỢNG ĐẠO

**ĐỊA ĐIỂM: THỊ XÃ AN KHÊ, HUYỆN KBANG, HUYỆN ĐAK PƠ,  
HUYỆN KÔNG CHRO, TỈNH GIA LAI**

**1. Mục tiêu lập quy hoạch**

- Khoanh vùng bảo vệ quần thể di tích tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử về Phong trào nông dân Tây Sơn trên địa bàn tỉnh Gia Lai; quản lý sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng các công trình dịch vụ, trùng tu tôn tạo các công trình của quần thể di tích đạt hiệu quả cao.

- Mở rộng không gian và diện tích xây dựng các hạng mục công trình của quần thể di tích, nâng tầm quần thể di tích cả về quy mô hoạt động và tầm vóc, vai trò của quần thể di tích.

- Xây dựng quần thể di tích bên cạnh giá trị lịch sử - văn hóa trở thành một không gian văn hóa, tưởng niệm, tôn vinh, tổ chức và diễn ra các hoạt động, sự kiện văn hóa cộng đồng của địa phương.

- Là cơ sở pháp lý cho việc xây dựng các dự án trùng tu tôn tạo di tích; các dự án đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, các dự án du lịch nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị quần thể di tích.

**2. Nhiệm vụ lập quy hoạch**

- Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích.

- Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích.

- Quan điểm, mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn của quy hoạch.

- Xác định ranh giới các khu vực bảo vệ di tích, kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp các khu vực bảo vệ di tích, xác định khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực xây dựng mới.

- Xác định chức năng và chỉ tiêu sử dụng đất cho khu vực di tích, khu dân cư và khu vực cảnh quan xung quanh; tổ chức hệ thống hạ tầng phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và tôn tạo di tích.

- Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Phương hướng chung đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của toàn khu vực quy hoạch; danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục di tích; nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Định hướng tổ chức không gian, công trình kiến trúc xây dựng mới, độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu xây dựng; định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch.

- Dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch.

- Đề xuất các dự án thành phần, phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên các dự án

thành phần và nguồn vốn đầu tư cho các dự án.

- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch.

## **V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH**

### **1. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch**

- Di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo bao gồm:
  - 1. Lũy An Khê, An Khê trường, An Khê đình và Gò chợ
  - 2. Miếu Xà, Cây Ké phát cờ, Cây Cây nổi trổng
  - 3. Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào, Gò Kho; Xóm Ké
  - 4. Đình Cửu An, Dinh Bà
  - 5. Gò Đồn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho
  - 6. Núi Hoàng Đế
  - 7. Hòn đá Ông Nhạc
  - 8. Vườn Mít và Cánh đồng Cô Hầu )
  - 9. Nền Nhà, Hồ Nước, Kho tiền Ông Nhạc
- Các giá trị văn hóa phi vật thể: Lễ hội, văn hóa tín ngưỡng, phong tục tập quán.
- Điều kiện tự nhiên, môi trường cảnh quan xung quanh di tích, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích, các quy hoạch, dự án tại địa phương ảnh hưởng tới di tích, thực trạng du lịch tại di tích và địa phương.
- Các yếu tố liên quan khác về kinh tế - xã hội, dân cư, môi trường, các thể chế và chính sách có liên quan khác.

### **2. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch**

- Về thời gian: Quy hoạch được lập cho giai đoạn đến năm 2030.
- Về không gian: Không gian nghiên cứu lập quy hoạch nằm chủ yếu trên địa bàn thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kông Chro và huyện Kbang tỉnh Gia Lai.

## **VI. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH**

- Phương pháp thu thập tài liệu: Lựa chọn những tài liệu, số liệu, những thông tin có liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu trong Quy hoạch.
- Phương pháp phân tích tổng hợp: Được sử dụng trong suốt quá trình phân tích, đánh giá toàn diện các nội dung, các đối tượng nghiên cứu trong Quy hoạch.
- Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Được thực hiện nhằm điều tra bổ sung hoặc kiểm tra lại những thông tin quan trọng cần thiết cho quá trình phân tích, đánh giá và xử lý các tài liệu và số liệu.
- Phương pháp bản đồ: Được sử dụng trên cơ sở kết quả các nội dung phân tích, đánh giá, tổng hợp của Quy hoạch. Với các kết quả đã được nghiên cứu, thông qua phương pháp bản đồ sẽ thể hiện một cách trực quan các nội dung nghiên cứu, các số liệu cụ thể trên hệ thống bản vẽ Quy hoạch.

- Phương pháp dự báo: Được áp dụng để nghiên cứu, dự báo việc phát triển du lịch tại khu di tích.

- Phương pháp chuyên gia: Thu thập và xử lý những đánh giá dự báo bằng cách tập hợp và hỏi ý kiến các chuyên gia có kinh nghiệm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

## **CHƯƠNG II. NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP**

### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

#### **1. Vị trí địa lý và quan hệ vùng**

##### ***a. Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch***

**Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch di tích khoảng: S=100ha**

Trong đó bao gồm các điểm di tích sau:

- 1. Lũy An Khê, An Khê trường, An Khê đình và Gò chợ (phường Tây Sơn, thị xã An Khê). Quy mô diện tích khoanh vùng S= 12 ha. Trong đó:

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ I: S1=1,05 ha

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ II: S2=10,05 ha

- 2. Miếu Xà, Cây Ké phát cờ, Cây Cày nổi trống (thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê). Quy mô diện tích khoanh vùng S= 7,2 ha

- 3. Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào, Gò Kho; Xóm Ké (thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê). Quy mô diện tích khoanh vùng S= 6,54 ha

- 4. Đình Cửu An, Dinh Bà (xã Cửu An, thị xã An Khê).

Quy mô diện tích khoanh vùng S= 0,5 ha

- 5. Gò Đồn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho (xã Cửu An, thị xã An Khê).

Quy mô diện tích khoanh vùng S= 13,6 ha

- 6. Núi Hoàng Đế (xã Tú An, thị xã An Khê).

Quy mô diện tích khoanh vùng S= 6,88 ha

- 7. Hòn đá Ông Nhạc (làng Đê Chợ Gang, xã Phú An, huyện Đak Pơ).

Quy mô diện tích khoanh vùng S= 0,2 ha. Trong đó:

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ I: S1=0,01 ha

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ II: S2=0,19 ha

- 8. Vườn Mít và Cánh đồng Cô Hầu (xã Nghĩa An, huyện Kbang).

Quy mô diện tích khoanh vùng S= 20ha. Trong đó:

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ I: S1=5,4 ha

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ II: S2=14,6 ha

- 9. Nền Nhà, Hồ Nước, Kho tiền Ông Nhạc (làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro). Quy mô diện tích khoanh vùng S= 3,08 ha. Trong đó:

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ I: S1=0,8 ha

- Diện tích khoanh vùng bảo vệ II: S2=2,28 ha

Tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ di tích khoảng 70 ha.

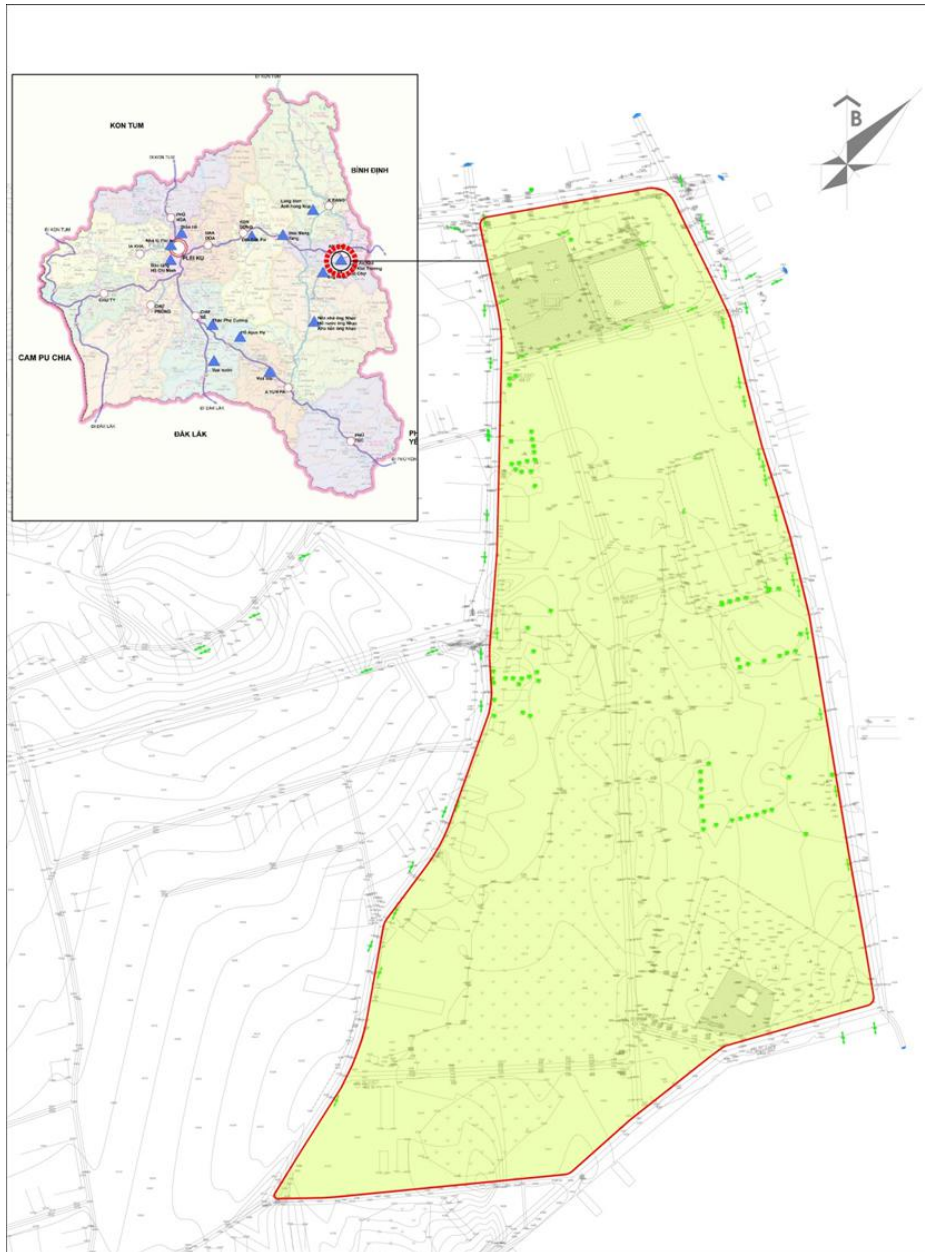
Diện tích nghiên cứu khoanh vùng bổ xung gồm 30ha để phát huy giá trị cho quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo



Hình 1: Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo

Ranh giới lập quy hoạch gồm 2 phân khu chính:

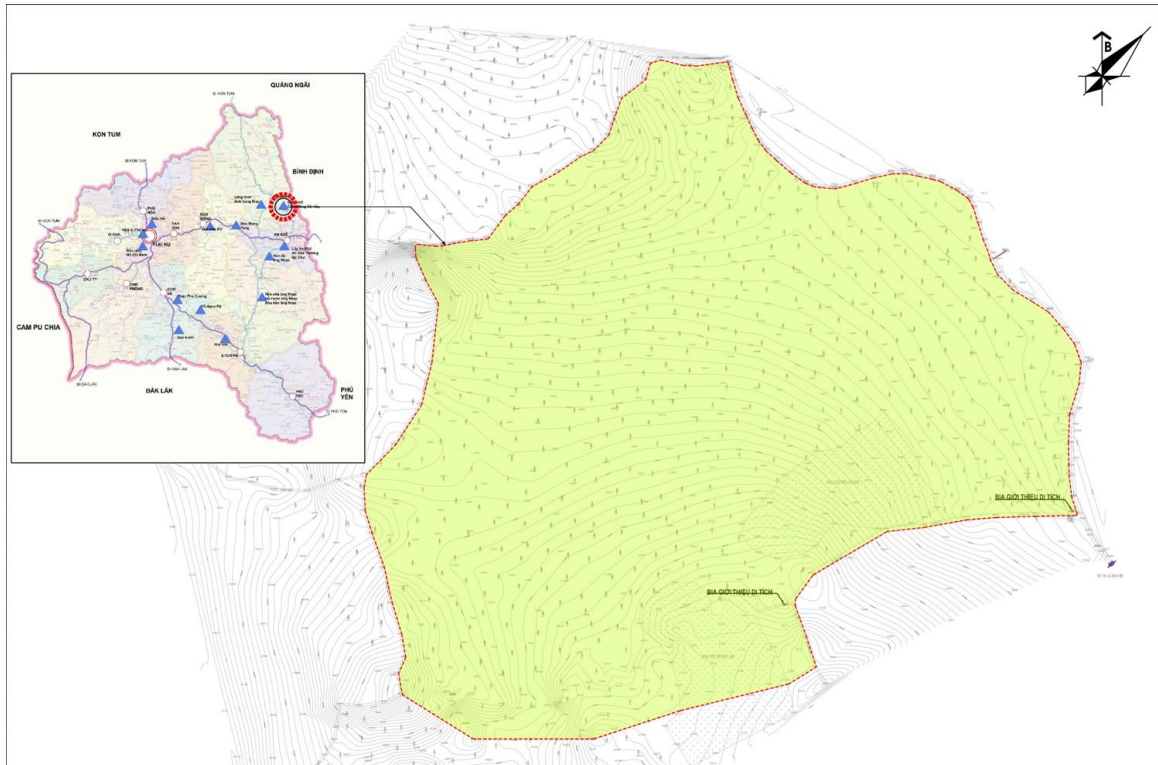
- **Phân khu Trung tâm** bao gồm khu vực di tích Lũy An Khê, An Khê Đình, An Khê Trường và Gò Chợ vị trí tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê;
- Quy mô khoảng 12ha.
- Ranh giới như sau: Phía Bắc giáp đường Nguyễn Thiếp; phía Nam giáp đường đất hiện hữu, nối với đường Võ Thị Sáu; phía Đông giáp đường đất hiện hữu, nối với đường Nguyễn Thiếp; phía Tây giáp đường đất hiện hữu.



Hình 2: Ranh giới lập quy hoạch phân khu trung tâm

- **Phân khu sinh thái - Khu vực di tích Vườn mít, cánh đồng Cô Hầu:**  
Gồm di tích Vườn mít và cánh đồng cô Hầu vị trí tại xã Nghĩa An, huyện Kbang
- Quy mô khoảng 20 ha
- Ranh giới được xác định là các tuyến đường mòn hiện hữu, bao quanh khu đất.





*Hình 3: Ranh giới lập quy hoạch phân khu sinh thái*

Các địa điểm khác trong quần thể di tích do quy mô nhỏ lẻ, không tập trung sẽ được xác định ranh giới bảo vệ (đối với các di tích lịch sử), định hướng các hoạt động phát huy giá trị

***b. Tiếp cận đến di tích***

Quần thể di tích phân bố phân tán trên địa bàn thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kông Chro và huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Từ thành phố Pleiku tiếp cận đến thị xã An Khê và huyện Đak Pơ theo Quốc lộ 19 khoảng 95km. Từ thị xã An Khê đến huyện Kông Chro theo đường Tỉnh 674 và đến huyện Kbang theo đường Tỉnh 669.

***c. Môi liên hệ vùng***

Quần thể di tích nằm trong tỉnh Gia Lai, là tỉnh có tiềm năng du lịch phong phú, với địa hình núi, cao nguyên, vùng trũng giữa núi; có nhiều cảnh quan tự nhiên cũng như nhân tạo, đó là những khu rừng nguyên sinh Kon Cha Răng, Kon Ka Kinh với hệ thống động thực vật phong phú cùng hàng chục thác ghềnh. Trong tỉnh còn có nhiều hồ đã nổi tiếng như Biển Hồ, nhiều núi đồi như công trời Mang Yang, đỉnh Hàm Rồng; cảnh quan nhân tạo có các rừng cao su, đồi chè, cà phê bạt ngàn; kết hợp với tuyến đường rừng, các tuyến dã ngoại bằng thuyền trên sông, cưỡi voi xuyên rừng... Bên cạnh sự hấp dẫn của thiên nhiên hùng vĩ, Gia Lai còn có nền văn hóa lâu đời của đồng bào dân tộc tại chỗ, chủ yếu là dân tộc Gia Rai và Ba Na thể hiện qua kiến trúc nhà rông, nhà sàn, nhà mồ, qua lễ hội truyền thống, qua y phục và nhạc cụ,... đặc biệt ***Không gian văn***

**hóa công chiêm Tây Nguyên** trải rộng trên địa bàn 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông và Lâm Đông đã chính thức được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào tháng 11 năm 2005.

Khu vực nghiên cứu có môi liên hệ thuận lợi với thành phố Pleiku và các huyện lân cận qua tuyến Quốc lộ 19 và các tuyến đường tỉnh. Đồng thời, kết nối thuận lợi với các di tích, các điểm tham quan khác trong tỉnh để tạo thành các tour, tuyến du lịch như: Các di tích sơ kỳ đá cũ ở An Khê, di tích lịch sử làng kháng chiến Stor (huyện Kbang), di tích lịch sử chiến thắng Đak Pơ (huyện Đak Pơ), di tích lịch sử - văn hóa Plei Ôi (huyện Phú Thiện), thác Phú Cường (huyện Chư Sê), di tích chiến thắng Plei Me (huyện Chư Prông), Thành phố Pleiku, di tích danh thắng Biển Hồ, di tích Plei Ôi – nơi cư trú cuối cùng của các thần Vua Lửa, Công viên địa chất Gia Lai...

## 2. Địa hình

Địa hình khu vực lập quy hoạch tương đối bằng phẳng, ngoại trừ khu vực vườn mít, cánh đồng cô hầu có địa hình xen lẫn đồi thấp.



Hình 4: Địa hình khu vực lập quy hoạch

## 3. Khí hậu

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai, nằm ở sườn phía Đông dãy Trường Sơn, trên bậc thềm chuyển tiếp giữa vùng cao nguyên và miền Duyên hải Trung Bộ, mang sắc thái Đông Trường Sơn, mùa mưa thường đến muộn và kết thúc muộn hơn Tây Trường Sơn từ một đến hai tháng.

Trong năm có hai mùa:

- Mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 11, có khi kéo dài đến tháng 12, lượng mưa tập trung, vào các tháng mùa mưa thường chiếm tới 60 - 70% lượng mưa hàng năm.

- Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau, khô nhất là các tháng 2 và 3.

- Nhiệt độ trung bình năm: 23,6<sup>0</sup>C: Cao nhất: 27,8 - 40,8<sup>0</sup>C, thấp nhất: 8,5 - 16,5<sup>0</sup>C.

- Lượng mưa trung bình năm: 1.202 - 1.225mm: Cao nhất: 1.389 - 1.565mm, thấp nhất 681 - 794mm.

- Độ ẩm trung bình năm: 80 - 81,5%.

- Hướng gió thịnh hành về mùa khô là Đông Bắc, mùa mưa là Tây Nam,

tốc độ gió thịnh hành 3,5m/s, cao nhất có thể lên tới 20m/s.

#### **4. Thủy văn**

Mạng lưới sông suối tương đối nhiều, phân bố tương đối đều khắp, đặc biệt có sông Ba là con sông lớn chảy qua địa phận thị xã An Khê. Ngoài ra, còn có rất nhiều nhánh suối là lưu vực của sông Ba. Đây là nguồn dự trữ và cung cấp nước mặt chủ yếu cho các ngành sản xuất, dịch vụ cũng như sinh hoạt của nhân dân.

#### **5. Địa chất công trình**

Theo khảo sát sơ bộ, nền địa chất ở khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có tính ổn định và có khả năng chịu lực tương đối tốt. Tuy nhiên khi xây dựng các công trình cần khoan khảo sát kỹ để có giải pháp hợp lý về móng.

#### **6. Cảnh quan thiên nhiên**

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch nằm trên địa bàn rộng lớn (4 huyện, thị xã) của tỉnh Gia Lai với cảnh quan thiên nhiên đa dạng có núi, có đồi, sông, hồ, có thung lũng rộng với nhiều điểm nhìn đẹp. Tại mỗi điểm di tích trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo lại có những đặc trưng cảnh quan khác nhau như:

- Khu vực di tích Lũy An Khê, An Khê Trường, An Khê Đình,... ở khu vực trung tâm thị xã An Khê, bao quanh di tích là các khu dân cư, tập trung các hoạt động lao động, sản xuất của dân cư.

- Khu vực di tích Vườn mít, cánh đồng Cô Hầu là khu vực đồi núi, rừng rậm và đất nông nghiệp của dân cư. Đây là khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp thuận lợi để khai thác phát triển du lịch sinh thái.



*Hình 5: Cảnh quan khu vực Vườn mít, cánh đồng cô Hầu*

- Khu vực di tích nền nhà, hồ nước, kho tiền ông Nhạc, hòn đá ông Nhạc: Bao quanh khu di tích là khu đất nông nghiệp và thưa thớt dân cư sinh sống.

- Khu vực di tích miếu xà: Khu di tích nằm sát tuyến quốc lộ 19, xung quanh di tích là các khu dân cư.

- Khu vực di tích khác: Gò Kho, xóm Ké, Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào,... các điểm di tích này hiện nay là rừng núi và gò bãi, khó xác định được vị trí cụ thể.

## **II. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Thực trạng hoạt động du lịch**

Lượng khách đến Gia Lai chủ yếu là khách nội địa, với mục đích công vụ,

thương mại, lượng khách du lịch thuần túy chiếm tỷ lệ nhỏ (khoảng 20% trong tổng lượt khách). Lượng khách du lịch đến tỉnh Gia Lai còn thấp, chỉ chiếm tỷ trọng không quá 5%.

Trong những năm gần đây lượng khách đến di tích hầu như không đáng kể và không có số liệu thống kê, chủ yếu là dân cư địa phương đến cúng bái vào các ngày rằm, mừng một, dịp lễ tết tại di tích An Khê Đình, An Khê Trường. Hàng năm, vào ngày mùng 4 tháng giêng, tại di tích An Khê Trường tổ chức lễ hội thu hút hàng vạn người chủ yếu là dân cư địa phương và các địa phương lân cận đến tham gia. Còn lại các di tích khác hầu như không có khách đến tham quan.

## **2. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khác**

### **a. Dân số, lao động**

Gia Lai có 34 dân tộc anh em sinh sống tại Gia Lai, dân tộc Kinh chiếm khoảng 55%, dân tộc Gia rai 29,5%, dân tộc Ba Na chiếm 12,1% và còn lại là 3,1% là các dân tộc thiểu số khác; dân số thành thị chiếm 30,0% tổng dân số, mật độ dân cư phân bố không đều tập trung chủ yếu ở các thành phố thị xã và các trục đường giao thông

Dân số trong độ tuổi lao động chiếm 60% tổng dân số, lao động trong khu vực nông nghiệp chiếm phần lớn trong cơ cấu lao động của tỉnh với 71,8% tổng lao động, trong khi khu vực phi nông nghiệp chiếm 22,2%.

### **b. Kinh tế**

- Cơ cấu kinh tế: ngành nông, lâm, thủy sản chiếm phần lớn.

- Xuất nhập khẩu:

+Xuất khẩu: Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của tỉnh là cà phê, mủ cao su, hạt tiêu, các sản phẩm từ gỗ,...trong đó cà phê là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

+Nhập khẩu: Các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị, phân bón, hạt điều, gỗ và sản phẩm từ gỗ, nguyên, nhiên vật liệu,...

### **c. Văn hóa - xã hội**

i. Y tế: Những năm gần đây hệ thống y tế của tỉnh từng bước được cải thiện và nâng cao về mặt chất lượng. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện, xã được tăng cường đầu tư, chuẩn hóa từng bước và cơ bản đảm bảo khám chữa bệnh cho nhân dân.

ii. Giáo dục - đào tạo: Giáo dục Gia Lai có những thành tựu quan trọng, sự nghiệp giáo dục phát triển, đáp ứng được nhu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho tỉnh và đất nước. Công tác dân chủ hóa nhà trường và xã hội hóa giáo dục đã được nâng lên ở trình độ mới.

iii. Văn hóa - thể thao:

- Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện qua kiến trúc nhà rông, nhà sàn, nhà mồ, qua lễ hội truyền thống, y phục và nhạc cụ... mang đặc trưng văn hóa Tây Nguyên. Ngành Văn hóa truyền thông đã phát huy tốt vai trò trong việc nâng cao đời sống tinh thần của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, duy trì và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Tuyên truyền đầy đủ các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Thể dục thể thao: Thể thao thành tích cao của tỉnh đã đạt nhiều thành tích cao ngày càng ổn định và có chất lượng cao, trong đó có sự đóng góp của công tác xã hội hoá. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển.

#### iv. Quốc phòng, an ninh

Công tác an ninh chính trị trên các lĩnh vực không ngừng được củng cố, tăng cường, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Các cấp, các ngành thực hiện tốt trật tự kỷ cương xã hội, đẩy mạnh các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, ổn định tình hình chính trị và trật tự an toàn xã hội.

### **3. Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội đến khu vực lập quy hoạch**

Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo phân bố trên địa bàn 4 huyện, thị xã (An Khê, Kbang, Đak Pơ, Kông Chro) của tỉnh Gia Lai. Mỗi di tích lại phân bố ở các địa bàn khác nhau, có di tích ở khu vực đô thị, có di tích ở khu vực ngoài đô thị, do đó ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đến các di tích cũng khác nhau:

- Khu vực di tích An Khê Trường, An Khê Đình ở khu vực trung tâm thị xã An Khê (khu vực đô thị), chịu tác động không nhỏ từ quá trình đô thị hóa. Bao quanh khu di tích là dày đặc dân cư nên di tích không tránh khỏi tác động bởi các hoạt động kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến di tích cũng như môi trường cảnh quan xung quanh di tích. Tuy nhiên, khu vực này khá thuận lợi để phát triển do địa hình bằng phẳng, kinh tế - xã hội phát triển lại tận dụng được hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất sẵn có tại thị xã An Khê.

- Các khu vực di tích khác như vườn mít, cánh đồng cô Hầu, nền nhà, hồ nước, kho tiền ông Nhạc,... ở khu vực ngoài đô thị. Hiện nay di tích và bao quanh di tích chủ yếu là các khu đất rừng và đất sản xuất nông nghiệp của dân cư nên các di tích bị ảnh hưởng bởi các hoạt động sản xuất nông nghiệp của dân cư. Mặt khác, các khu vực này hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạn chế đặc biệt là hệ thống giao thông, đời sống kinh tế - xã hội của dân cư còn khó khăn do đó công tác bảo tồn, khai thác phát huy giá trị di tích còn hạn chế.

## **III. NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT DI TÍCH**

### **1. Hiện trạng di tích**

Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo có vai trò rất lớn trong việc gìn giữ

những giá trị lịch sử, văn hóa trong buổi đầu người Việt có mặt trên các cao nguyên phía tây của Tổ quốc; thu hút du khách đến với tỉnh Gia Lai, nhất là đối với những du khách quan tâm đến lịch sử - văn hóa. Các di tích trong quần thể di tích hầu hết đã được xác định ranh giới bảo vệ di tích trong hồ sơ di tích, tuy nhiên chưa được cụ thể hóa bằng tọa độ nên chưa xác định cụ thể trên thực địa và được cắm mốc nên việc bảo vệ di tích còn gặp khó khăn. Trong quần thể di tích, hiện có một số di tích (An Khê Trường, An Khê Đình, Nền nhà - Hồ nước Ông Nhạc) đã được trùng tu tôn tạo, một số di tích khác hiện đã xuống cấp hoặc không còn nguyên vẹn.

**i. Khu vực trung tâm thị xã An Khê:**

Gồm di tích An Khê Đình, An Khê Trường và công trình Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo.

- An Khê Đình: tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê. An Khê Đình (Đình Trống) theo lịch sử đây là trung tâm khu vực đồn trại là nơi tập họp lực lượng



*Hình 6: Ảnh hiện trạng di tích An Khê Đình*

- An Khê Trường (Đình An Lũy): tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê. Theo lịch sử đây là nơi luyện quân và trung tâm liên lạc của nghĩa quân Tây Sơn, đây là nơi thờ anh em Tây Sơn. Sau nhiều lần trùng tu đến nay nhiều thành phần của di tích bị xuống cấp như mái, cột trụ



*Hình 7: Ảnh hiện trạng di tích An Khê Trường*

- Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo: tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê. Công trình được xây dựng năm 2009, có diện tích khoảng 4.000 m<sup>2</sup>. Hiện tại, phòng Văn hóa - Thông tin thị xã An Khê đang sử dụng để trưng bày hiện vật sưu tầm được ở trên địa bàn thị xã.



*Hình 8: Ảnh hiện trạng Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo*

+ **Đánh giá chung:** Các di tích nằm ở trung tâm thị xã An Khê, thuận tiện cho giao thông và tận dụng được các dịch vụ sẵn có tại thị xã An Khê; Đã có sơ đồ khoanh vùng bảo vệ di tích, tuy nhiên chưa được xác định bằng tọa độ trên bản đồ và chưa có ranh giới, diện tích bảo vệ cụ thể.

*ii. Khu vực di tích Vườn mít, cánh đồng Cô Hầu*

- Cánh đồng Cô Hầu:

+ Nằm tại xã Nghĩa An, huyện Kbang. Vườn mít và cánh đồng Cô Hầu rộng khoảng 20 ha, do Cô Hầu (tức Yã Đố - vợ bé người Ba na của Nguyễn Nhạc) vận động đồng bào trong vùng khai phá trồng lương thực để nuôi nghĩa quân Tây Sơn. Cánh đồng Cô Hầu và vườn mít đã cung cấp nguồn lúa gạo nuôi nghĩa quân Tây Sơn nhiều năm tháng đầu trong sự nghiệp chuẩn bị khởi nghĩa ở vùng

thượng đạo. Cánh đồng Cô Hầu và Vườn Mít đã đáp ứng được nhu cầu bức thiết buổi đầu của cuộc khởi nghĩa, là công hiến to lớn của bà Ya Đố và nhân dân Ba Na đối với phong trào Tây Sơn.

+Hiện di tích là khu vực rừng rậm và đất sản xuất nông nghiệp của dân cư.

+Đã có sơ đồ khoanh vùng bảo vệ di tích, tuy nhiên chưa được xác định bằng tọa độ trên bản đồ và chưa có ranh giới, diện tích bảo vệ cụ thể.

- Vườn Mít:

+Nằm tại xã Nghĩa An, huyện Kbang.

+Theo lịch sử là khu vườn mít của bà Ya Đố đóng góp cho phong trào Tây Sơn.

+Hiện nay là khu vực rừng rậm, chỉ còn thừa sót vài cây mít người dân trồng mới để tưởng nhớ công lao anh em người anh hùng, còn vườn mít cổ thụ trước đây nay chỉ còn lác đác vài cây và đã cắm biển di tích cho những cây mít cổ thụ.

+Đã có sơ đồ khoanh vùng bảo vệ di tích, tuy nhiên chưa được xác định bằng tọa độ trên bản đồ và chưa có ranh giới, diện tích bảo vệ cụ thể.

- Đánh giá chung: Khu vực Vườn Mít, cánh đồng Cô Hầu cách đường từ KBang xuống An Khê khoảng 6km, đường vào là đường đất chất lượng xấu. Tuy nhiên khu vực này có cảnh quan sinh thái khá nguyên sơ có khả năng phát triển du lịch sinh thái kết hợp tâm linh văn hóa lịch sử theo mô hình trải nghiệm các hoạt động mô phỏng lịch sử và kết nối với các điểm du lịch sinh thái khác như thác hang Dơi, thác Đák lóp...



Hình 9: Ảnh hiện trạng di tích Vườn mít, cánh đồng Cô Hầu

### iii. Khu vực di tích nền nhà, hồ nước

- Nằm tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro, thuộc quần thể di



tích Tây Sơn thượng đạo.

- Đây là dấu tích một nền nhà Nguyễn Nhạc đã từng ở để giao tiếp, buôn bán với đồng bào Ba Na, tập hợp lực lượng khởi nghĩa, gây dựng phong trào, tập hợp quân lính, mua voi, ngựa và lâm thổ sản ở vùng này. Hiện nay di tích còn lại nền móng khá chắc chắn. Kho tiền ông Nhạc là một hốc đá cách nền nhà khoảng 400 m về phía Đông Bắc, bên bờ khe suối Tiên - một nhánh của suối H'Lang. Nền nhà hiện nay còn rất rõ đó là một hình chữ nhật chiều dài 18m, chiều rộng 12,20m, nền nhà cao 50 cm, nhà quay mặt hướng Nam, phía trước còn 1 đoạn thêm dài 12m cao 30 cm, rộng 1,8m, bậc thềm này được kê bằng đá tảng, nền nhà được xây bằng gạch đá ong. Cách nền nhà 13m về phía Đông còn dấu tích một hồ nước rộng hình gần vuông, chu vi 66m. Hồ được xây bằng gạch đá ong.

- Hiện tại có hồ nước, nền nhà cũ, gần khu nhà mồ khá đẹp của người Ba Na ở làng H'lang có khả năng khai thác như một điểm tham quan.

- Di tích đã có tường rào bảo vệ.

- Tuy nhiên, gần đây các nhà khảo cổ học đã kết luận khu vực di tích nền nhà, hồ nước ông Nhạc vốn là một di tích Champa bởi đã tìm thấy ở đây nhiều nét đặc trưng của văn hóa Chăm như: nền móng của nhà, đá ong xây dựng có rãnh lòng máng dẫn nước, tượng linh vật là rắn Naga bằng đá sa thạch, giếng nước hình chữ nhật giống như một tháp Chăm đã xây dựng ở các nơi. Vì vậy, trong các giai đoạn sau khi có điều kiện cần nghiên cứu, khai quật di tích để làm sáng tỏ vấn đề trên để đưa ra những định hướng cho phù hợp.



Hình 10: Hiện trạng di tích nền nhà, hồ nước ông Nhạc

#### iv. Các điểm di tích khác

Các điểm khác trong quần thể di tích đều là các điểm nhỏ lẻ, một số điểm đã mất, không còn hoặc không xác định rõ:

- **Lũy An Khê:** Tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê. Lũy An Khê là khu vực đồn trại chính trên vùng căn cứ địa Tây Sơn thượng đạo, đây là nơi đặt chỉ huy sở đầu tiên, là nơi khởi binh đầu tiên của phong trào nông dân Tây Sơn trước khi tiến xuống đồng bằng đánh thành Quy Nhơn (1773). Từ nơi manh nha đầu tiên này phong trào nông dân Tây Sơn đã phát triển với một sức mạnh quét cường để ghi lại những chiến công Ngọc Hồi - Đống Đa chói lọi vào trang sử vẻ vang của dân tộc. Ở một vùng dân cư thưa thớt, địa bàn phức tạp như An Khê thế kỷ 18, với một hệ

thông đồn lũy đồ sộ kiên cố như vậy là một bằng chứng hùng hồn chứng tỏ tài năng vận động quân chúng của anh em Tây Sơn. Mặt khác nó thể hiện vai trò to lớn của đồng bào dân tộc thiểu số đối với phong trào nông dân Tây Sơn. Di tích hiện nay chỉ còn dấu tích, bờ lũy biến thành đường làng.

- **Gò Chợ:** Tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê. Gò Chợ là nơi trước kia Nguyễn Nhạc đã tiếp xúc, giao thương với người Ba Na trong vùng và vận động đồng bào đi theo phong trào Tây Sơn. Cũng nơi đây Nguyễn Nhạc đã gặp gỡ, trao đổi công việc với các thủ lĩnh trong vùng và các vùng lân cận. Hiện không còn vết tích. Theo hồ sơ di tích, khu vực bảo vệ di tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup>.

- **Gò Kho, Xóm Ké:** Tại thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê. Gò Kho là nơi trú quân và cất giấu lương thực của nghĩa quân. Đây chính là trại binh lương của nghĩa quân Tây Sơn trong những năm 1771 - 1773. Ở sát chân gò Kho về phía Tây có một giếng mạch rất mạnh, suốt 4 mùa không cạn. Nghĩa quân Tây Sơn đã sử dụng nước tại giếng này. Hiện nay dân địa phương gọi là giếng mạch. Xóm Ké là 1 thung lũng có diện tích khoảng 7 ha, nằm tiếp giáp phía Tây hòn Bình. Là nơi trước đây nghĩa quân Tây Sơn đã đóng quân. Di tích hiện nay là rừng núi và gò bãi, chưa xác định được vị trí cụ thể.

- **Hòn Bình (núi Ông Bình), Hòn Nhọc (núi Ông Nhọc), Hòn Tào** nằm tại thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê là 3 ngọn núi cao nhất trong dãy đèo Mang. Đoạn lũy nối núi ông Bình và ông Nhọc được đắp bằng đất và đá. Đây là cụm di tích đồn lũy và căn cứ hậu cần tại chỗ mang tính liên hoàn và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong thời kỳ xây dựng căn cứ địa Thượng đạo anh em Tây Sơn đã nhận thấy vị trí hiểm yếu của 2 dãy núi lớn án ngữ phía Đông An Khê và đã chọn 2 dãy núi này để xây dựng một hệ thống đồn lũy để luyện tập và khống chế hướng tấn công của địch từ đồng bằng lên, bảo vệ an toàn cho khu vực căn cứ địa ở trung tâm lòng chảo An Khê. Di tích hiện nay là rừng núi và gò bãi, chưa xác định được vị trí cụ thể.

- **Kho Tiền Ông Nhọc** tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Krông Chro, là một hốc đá kín đáo bên bờ suối.

- **Miếu xà, cây ké phát cờ, cây cày nổi trống:** Tại thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê. Đây là nơi Nguyễn Nhạc chém rắn tế cờ khi xuất binh và xây miếu thờ rắn sau khi thắng trận trở về. Cụm di tích miếu xà, cây ké phát cờ, cây cày nổi trống đánh dấu bước phát triển lớn của nghĩa quân Tây Sơn. Cụm di tích này còn là điểm mốc để xác định chính xác con đường tiến quân của nghĩa quân từ thượng đạo xuống hạ đạo. Nó còn thể hiện ý chí quyết tiến công không lùi bước trước những trở ngại khó khăn của các lãnh tụ phong trào nông dân Tây Sơn mà đứng đầu là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ. Khi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cử binh từ Tây Sơn thượng đạo xuống Tây Sơn hạ đạo tới đèo Mang (tức đèo An Khê) thì gặp con rắn đen bò ra chặn đường. Một số tướng sĩ cho là điềm gở nên quay lại. Nhưng Nguyễn Trại, Nguyễn Huệ cho đóng quân lại, xuống ngựa rút

kiếm chém răn, lấy máu tế cờ ở gốc cây Ké, rồi cho nổi trống tiếp tục hành quân. Lấy điểm xuất phát tại gốc cây cây cạnh đó. Từ đó dân địa phương truyền tụng là “cây ké phát cờ”, “cây cây nổi trống”. Năm 1773 sau khi hạ thành Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc cho xây miếu xà - miếu thờ răn tại địa điểm nghĩa quân gặp răn. Miếu xà được xây bằng cát, vôi rộng khoảng 4m<sup>2</sup>. Cây ké, cây cây nằm cạnh khe núi Chàng Ràng. Hiện nay cây ké, cây cây không còn vết tích, đã bị cháy trong những năm chiến tranh chống Mỹ và gốc cây ké, cây cây đã được đưa về bảo tàng. Miếu Xà đã có sơ đồ khoanh vùng bảo vệ di tích, tuy nhiên chưa được xác định bằng tọa độ trên bản đồ và chưa có ranh giới, diện tích bảo vệ cụ thể. Miếu xà hiện nay được xây lại nhưng không ở vị trí cũ, mà được chuyển đến vị trí đầu thôn Thượng An - gần trạm Song An. Trên nền đất cũ tại ngheo cây khế hiện nay không còn dấu tích của miếu.

- **Hòn đá Ông Nhạc:** Nằm tại làng Đê Chợ Gang, xã Phú An, huyện Đăk Pơ. Hòn đá này là nơi Nguyễn Nhạc thường ngồi nghỉ chân trước khi vào làng Đê Chợ Gang và nó là điểm hẹn của Nguyễn Nhạc với những người lãnh đạo phong trào trong làng Đê Chợ Gang cũng như các làng lân cận. Trải qua hơn 200 năm hòn đá này vẫn là vật thiêng của làng, điều này chứng minh cho tấm lòng của đồng bào dân tộc Ba Na trong vùng đối với phong trào Tây Sơn, đặc biệt là Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc. Hòn đá như một hình khối chữ nhật, mặt trên bằng phẳng dài 1,2m, rộng 1m. Hòn đá hiện nay vẫn còn nguyên dạng, phần chân bị cát bồi lấp.



Hình 11: Ảnh hiện trạng di tích hòn đá ông Nhạc, miếu Xà

- **Đình Cửu An, Đình Bà:** Đình Cửu An, Đình Bà tọa lạc tại thôn An Điền Bắc, xã Cửu An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai; là một cứ điểm quan trọng trong buổi đầu dựng cờ khởi nghĩa tập hợp lực lượng của anh em Tây Sơn là thôn Cửu An gọi là Ấp Nhì. Thôn Cửu An xưa, nay là xã Cửu An thuộc thị xã An Khê. Cửu An nằm bên bờ sông Ba, cách trung tâm An Khê khoảng 12km về phía Bắc, có 5 xóm: An Điền Bắc, An Điền Nam, Phước Bình, An Bình và Cựu Định. Nơi đây là vùng đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc trồng lúa nước, là một trong những khu vực mà anh em Tây Sơn chọn làm nơi lập căn cứ, xây dựng lực lượng tại vùng Thượng Đạo. Nơi đây là một cơ sở kinh tế, chính trị, quân sự quan trọng trong quá trình xây dựng, tập hợp lực lượng dựng cờ khởi nghĩa của Nguyễn Nhạc và anh em Tây

Sơn tạo tiền đề cho cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi.

- Đình Cửu An: Đình Cửu An còn có tên gọi khác: Đình An Điền (theo tên làng), Vạn Cửu An. Đình Cửu An được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX, thờ 3 anh em Tây Sơn vương: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

Công trình kiến trúc đình hiện nay được tôn tạo vào năm 2014. Đình tọa lạc trên đồi cao, thoáng đãng. Đình gồm các thành phần kiến trúc: Cổng (tam quan); bình phong; công trình kiến trúc trung tâm (đình chính) với các gian thờ thần (chính điện), tiên hiền, thanh minh; nhà phụ. Đình được xây dựng bằng chất liệu gạch, bê tông và các vật liệu kiến trúc khác song vẫn phỏng theo phong cách kiến trúc truyền thống.

- Dinh Bà: Dinh Bà còn có tên gọi khác: Miếu An Điền, Miếu An Điền Bắc (theo tên xóm, làng). Dinh Bà cũng được xây dựng vào thế kỷ XIX. Trải qua thời gian tồn tại, dấu vết kiến trúc cũ của công trình qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo còn lại là bức bình phong và hai trụ biểu phía trước. Các cấu kiện khác đều được xây dựng mới bằng chất liệu: Xi măng, gạch, đá, ngói nóc... Công trình hiện nay được trùng tu, tôn tạo vào năm 2004 và 2012. Dinh tọa lạc trên một khu đất cao, quay mặt về hướng Đông Nam. Nhìn từ ngoài vào, dinh gồm các thành phần kiến trúc: Bình phong, trụ biểu, chính điện, nhà tiên hiền, nhà kho, nhà bếp...

Dinh Bà thờ các vị nữ thần, tiêu biểu và quan trọng nhất là bà Yã Đố (Cô Hầu), vợ thứ của Nguyễn Nhạc. Bà là người phụ nữ Bahnar đã góp công lớn cho sự nghiệp của Nguyễn Nhạc và anh em Tây Sơn. Nhân dân trong vùng truyền lại, khi bà mất được an táng tại núi đất cạnh nơi ở, sau này dân làng lập dinh thờ bà trên nền nhà cũ.

- **Gò Đồn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho:**

- Gò Đồn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho tọa lạc tại thôn An Điền Bắc; Mễ Kho tọa lạc tại thôn An Điền Nam, xã Cửu An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Đây là cụm di tích gắn với những hoạt động luyện tập quân sự và cất giữ binh lương của nghĩa quân Tây Sơn trên đất Cửu An - Tây Sơn Nhì.

- Gò Đồn: Tương truyền là khu vực nghĩa quân Tây Sơn đóng trại, luyện tập võ nghệ. Hiện tại đất này có một con đường vành đai thị xã chạy ngang qua giữa khu, từ Nam sang Bắc. Hai bên đường xen kẽ khu dân cư và đất khác. Địa điểm này cách trụ sở UBND xã Cửu An khoảng 2,5km về hướng Tây Nam.

- Vườn Lính: Tương truyền nơi đây xưa kia là chỗ dạy võ thuật thời Tây Sơn. Khu đất này có diện tích khoảng 3ha, có 2 con đường đi qua chia cắt, dân cư ở xen kẽ hai bên đường. Địa điểm cách trụ sở UBND xã Cửu An khoảng 2km về hướng Tây Nam.

- Mễ Kho: Tương truyền là khu vực được nghĩa quân Tây Sơn chọn làm nơi cất giữ lương thực sau thu hoạch. Khu đất này có diện tích khoảng 3ha. Hiện nay, nhân dân đang sản xuất lúa màu, trồng cây keo. Địa điểm cách trụ sở UBND

xã Cửu An khoảng 500m về hướng Tây Bắc.

### **Núi Hoàng Đế:**

- Núi Hoàng Đế tọa lạc tại xã Tú An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.
- Làng Cổ Yêm, rừng Mộ Điều, Núi Hoàng Đế là những địa danh cổ, tên làng, tên đất, rừng, núi có mối liên hệ mật thiết đến lãnh tụ Nguyễn Nhạc và nghĩa quân Tây Sơn. Nhân dân làng Cổ Yêm đã hết lòng ủng hộ nhân tài, vật lực cho anh em Tây Sơn. Rừng Mộ Điều là căn cứ của nghĩa quân Tây Sơn.
- Truyền thuyết dân gian trong vùng đã ghi nhận những hoạt động của Nguyễn Nhạc và nghĩa quân Tây Sơn tại đây. Nguyễn Nhạc chủ trương mở rộng phạm vi căn cứ địa nên đã tìm đến rừng Mộ Điều, làng Cổ Yêm. Vị tù trưởng ở đây vì mến mộ tài năng của Nguyễn Nhạc nên đã gả con gái yêu là Yã Đố (Cô Hầu) cho Nguyễn Nhạc. Yã Đố đã dốc lòng giúp chồng nuôi chí lớn, cùng dân làng khai phá đất đai, sản xuất và tích trữ lương thực cung cấp cho quân Tây Sơn.
- Chủ tướng Nguyễn Nhạc mở rộng vùng Mộ Điều làm nơi luyện quân và đóng địa bản doanh trên núi. Sau này vùng này được suy tôn là Núi Hoàng Đế, cánh đồng thì gọi là Cánh đồng Cô Hầu. Có thuyết nói, sau khi Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng đế ở thành Đồ Bàn có ý đưa bà Yã Đố về cung nhưng bà vẫn ở lại đây cai quản ruộng nương, phát triển sản xuất; biến nơi đây trở thành hậu phương cung cấp lương thực ngựa, voi cho nghĩa quân nên ngọn núi ở giữa cánh đồng được tôn xưng là Núi Hoàng Đế, dân địa phương còn gọi núi này là Hòn Đế.

#### **v. Nhận xét**

- Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo là căn cứ địa buổi đầu của phong trào Tây Sơn. Vì ở giai đoạn hình thành, mở đầu, manh nha, nên công trình xây dựng ít, quy mô xây dựng nhỏ, chủ yếu gắn với mối giao lưu của Nguyễn Nhạc với bà con các dân tộc Tây Nguyên.
- Các di tích trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo nằm rải rác, trải rộng trên địa bàn 4 huyện, thị xã, nhiều di tích trong quần thể di tích đã bị hủy hoại do thời gian, khí hậu, phá hủy do sự trả thù của nhà Nguyễn,...

## **2. Hiện trạng quản lý sử dụng và phát huy giá trị di tích**

### **a. Hiện trạng quản lý di tích**

Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo là di tích cấp quốc gia, trong những năm qua, các công trình di tích đã được tu bổ, tôn tạo theo quy định của Luật Di sản và các quy định của pháp luật trong xây dựng, bảo tồn. Tuy nhiên, do nguồn kinh phí có hạn nên hoạt động tu bổ, tôn tạo Quần thể di tích còn rất hạn chế.

### **b. Quá trình sử dụng và phát huy giá trị di tích**

Vùng đất Tây Sơn thượng đạo là nơi dựng nghiệp, khởi thủy của cuộc khởi nghĩa nông dân thành công nhất trong lịch sử chống lại phong kiến phương Bắc, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược ở phía Nam. Các di tích văn hóa, lịch sử thời Tây Sơn là một tài sản vô giá. Đến nay, tỉnh Gia Lai quyết định lập quy hoạch

tổng thể nhằm bảo vệ lâu dài để tôn tạo và khai thác các di sản của cha ông nhằm đem lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho thế hệ hôm nay và mai sau.

Trong những năm qua, nhà nước và chính quyền địa phương đã có những kế hoạch bảo tồn, trùng tu, tôn tạo một số hạng mục công trình trong quần thể di tích nhằm giữ gìn và phát huy giá trị của quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo. Việc tu bổ, tôn tạo di tích là để tưởng nhớ công lao to lớn của ba anh em nhà Tây Sơn và nghĩa quân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Đồng thời, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, niềm tự hào cho thế hệ trẻ ở địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Sau khi được trùng tu, tôn tạo, một số di tích thời Tây Sơn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã và đang là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật cổ truyền gắn với sinh hoạt địa phương như biểu diễn trống trận Tây Sơn, biểu diễn võ thuật, cồng chiêng... Tại đây, còn diễn ra các lễ hội truyền thống gắn với phong trào Tây Sơn, với sự nghiệp của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ như Lễ hội chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (tổ chức vào ngày mùng 4 tháng giêng hàng năm), Lễ hội dân gian gắn với các truyền thuyết về phong trào Tây Sơn, Lễ tế ngày giỗ Tây Sơn tam kiệt... Các hoạt động này cũng đã thu hút được nhân dân trong và ngoài vùng đến tham quan. Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo được xây dựng tại thị xã An Khê vào năm 2009, mặc dù chưa phát huy hiệu quả như mong muốn, nhưng đây cũng là cố gắng của Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc tỉnh Gia Lai trong việc phát huy những giá trị lịch sử vùng đất Tây Sơn thượng đạo, tri ân tưởng nhớ những người có công với nước.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân những di tích lịch sử ở vùng đất Tây Sơn thượng đạo sau nhiều năm không được quan tâm bảo tồn, nhiều di tích đã bị xâm hại, xuống cấp nghiêm trọng và bị xóa sổ. Sở dĩ các di tích thời Tây Sơn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đang ngày càng xuống cấp, có nguy cơ trở thành phế tích là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Hiện nay, việc quản lý, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo quần thể di tích còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Diện tích các điểm di tích ngày càng bị xâm chiếm do nhu cầu sản xuất của người dân địa phương. Nhiều điểm di tích bị biến dạng, xuống cấp, thậm chí có nơi còn mất dấu tích (Kho tiền, Gò Chợ) hoặc đan xen trong khu dân cư. Quần thể di tích chưa có cơ quan chủ quản chung, các địa phương vẫn chưa có sự liên kết, thống nhất với nhau và còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng huyện, thị xã. Công tác tuyên truyền ý thức bảo vệ, giữ gìn di tích chưa được quan tâm đúng mức...

Các công trình di tích trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo tuy đã được trùng tu tôn tạo, tuy nhiên việc đầu tư tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị chưa được đầu tư đúng mức do nguồn kinh phí có hạn, nên việc khai thác phát huy giá trị di tích còn hạn chế. Hàng năm lượng khách đến tham quan di tích hầu

như rất ít.

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ khách đến tham quan di tích như các công trình phục vụ, đón tiếp, công trình dịch vụ, vệ sinh công cộng chưa được đầu tư xây dựng. Hệ thống giao thông đến các điểm di tích chất lượng còn xấu.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ CẢNH QUAN KHU VỰC**

##### **1. Hiện trạng các quy hoạch, dự án có liên quan đến khu vực lập quy hoạch**

- Dự án đầu tư xây dựng bảo tồn, tu bổ, tôn tạo Lũy An Khê, An Khê Trường, An Khê Đình - tỉnh Gia Lai nhằm tưởng nhớ công lao to lớn của ba anh em nhà Tây Sơn và nghĩa quân Tây Sơn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Giáo dục truyền thống tốt đẹp về tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc cho các thế hệ noi theo.

- Các cụm di tích, di tích: Vườn mít, cánh đồng cô Hầu, hòn Bình, hòn Nhược, hòn Tào, xóm Ké, gò Kho, gò Chợ, hòn đá ông Nhạc, miếu Xà, cây Ké phát cờ, cây cày nổi trống: Cấm biển báo và bia di tích.

- Di tích nền nhà, hồ nước, kho tiền ông Nhạc: Nhà ông Nhạc khôi phục trên cơ sở nền nhà bằng đá; hồ nước khôi phục lại hồ nước; xây mới cổng, hàng rào; kho tiền tôn tạo lại kho hiện trạng; cấm biển báo và bia di tích.

- Các hạng mục phục vụ khu di tích: Nhà trưng bày, quản lý; khu vệ sinh; sân đường nội bộ; cổng hàng rào; cây xanh, bồn hoa, thảm cỏ; hệ thống thông gió, chiếu sáng, cấp điện, cấp thoát nước, chống sét và phòng cháy chữa cháy hoàn chỉnh.

Đến nay, nhiều hạng mục công trình di tích cũng đã bị xuống cấp. Bên cạnh đó, nhiều di tích trong Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo vốn xuống cấp lại mất dấu dần và có nguy cơ trở thành truyền thuyết. Chẳng hạn di tích Vườn mít, cánh đồng Cô Hầu (vợ Nguyễn Nhạc), với nhiều cây mít cổ thụ đã bị đốn gần như trụi lủi trước đó, hay Nền nhà ông Nhạc - hồ nước - kho tiền (thuộc huyện Kông Chro), hệ thống thành lũy cũng trong cảnh tương tự.

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai, dự án khu di tích lịch sử - văn hóa Tây Sơn thượng đạo là điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và vùng.

##### **2. Hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch**

###### **a. Hiện trạng sử dụng đất**

- **Khu vực di tích An Khê Đình, An Khê Trường và Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo:** Tổng diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch 12 ha, đất đã xây dựng (đất di tích, đất ở) chiếm 45,40% tổng diện tích, đất xây dựng loại 1 (đất thuận lợi cho xây dựng) chiếm 46,30% tổng diện tích, còn lại là đất giao thông.

Đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất, chiếm 46,30% tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch, còn lại là đất di tích, đất ở, đất giao thông.

- **Khu vườn mít, cánh đồng cô Hầu:** Tổng diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch 20 ha, đất xây dựng loại 1 (đất thuận lợi cho xây dựng) chiếm 25,56% tổng diện tích, đất xây dựng loại 2 (đất ít thuận lợi cho xây dựng) chiếm 73,99%, còn lại là đất giao thông. Đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất, chiếm 90,89% tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch, còn lại là đất nông nghiệp, đất giao thông

- **Miếu xà:** Trong tổng diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch 0,24 ha, đất di tích chiếm 12% tổng diện tích nghiên cứu, đất nhà truyền thống thôn Thượng An chiếm 25% tổng diện tích nghiên cứu, còn lại là đất trồng. Trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, đất đã xây dựng chiếm 37% tổng diện tích nghiên cứu, đất xây dựng loại 1 (đất thuận lợi cho xây dựng) chiếm 63,25% tổng diện tích nghiên cứu.

- **Hòn đá ông Nhạ:** Trong tổng diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch 0,2 ha, đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất chiếm gần 66% tổng diện tích đất nghiên cứu, tiếp đến là đất giao thông chiếm 29,6% tổng diện tích đất nghiên cứu, còn lại là đất di tích. Trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, đất xây dựng loại 1 (đất thuận lợi cho xây dựng) chiếm gần 66% tổng diện tích nghiên cứu, còn lại là đất giao thông, đất di tích.

- **Nền nhà, hồ nước ông Nhạ:** Trong tổng diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch 1,08 ha, đất di tích chiếm tỷ lệ lớn nhất chiếm 62,27% tổng diện tích đất nghiên cứu, tiếp đến là đất nông nghiệp chiếm 36,48% tổng diện tích đất nghiên cứu, còn lại là đất giao thông. Trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, đất xây dựng loại 1 (đất thuận lợi cho xây dựng) chiếm 36,48% tổng diện tích nghiên cứu, còn lại là đất di tích, đất giao thông.

- **Kho tiền ông Nhạ:** Trong tổng diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch 2 ha, đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất chiếm 70,04% tổng diện tích nghiên cứu, tiếp đến là đất di tích chiếm gần 24% tổng diện tích nghiên cứu, còn lại là đất mặt nước, đất giao thông. Trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, đất xây dựng loại 1 (đất thuận lợi cho xây dựng) chiếm 70,04% tổng diện tích nghiên cứu, còn lại là đất di tích, đất giao thông và đất mặt nước.

### **b. Hiện trạng công trình**

- Các công trình đã xây dựng trong khu trung tâm: Công trình nhà dân, Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo và công trình di tích (An Khê Đình, An Khê Trường).

+ Công trình nhà dân: Hầu hết là nhà mái ngói.

+ Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo: Công trình xây dựng kiên cố.

+ An Khê Trường: Công trình nhà thờ chính được xây dựng khá kiên cố.

+ An Khê Đình: Nhiều hạng mục công trình đã xuống cấp.





*Hình 12: Hiện trạng công trình khu vực di tích An Khê Đình*



*Hình 13: Hiện trạng công trình di tích An Khê Trường*

*Hình 14: Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo*



*Hình 15: Hiện trạng công trình nhà dân trong khu vực nghiên cứu*

- Khu vực vườn mít, cánh đồng cô Hầu: Không có công trình xây dựng kiên cố, chỉ có 3 bia dẫn tích.



Hình 16: Bia dẫn tích trong khu vực di tích Vườn mít, cánh đồng cô Hầu  
 - Khu vực miếu xà: Có 2 công trình xây dựng là nhà truyền thống thôn Thượng An và di tích miếu xà (miếu và bia dẫn tích).



*Hình 17: Miếu Xà*



*Hình 18: Nhà truyền  
thống thôn  
Thượng An*

- Khu vực hòn đá ông Nhạc và kho tiền ông Nhạc: Không có công trình xây dựng.

- Khu vực nền nhà, hồ nước ông Nhạc: Không có công trình xây dựng kiên cố, chỉ có 2 bia dẫn tích.



*Hình 19: Bia dẫn tích trong khu vực di tích nền nhà, hồ ông Nhạc*

### ***c. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật***

#### ***i. San nền***

- Khu trung tâm bao gồm khu vực di tích An Khê Đình, An Khê Trường và Nhà trung bày Tây Sơn thượng đạo tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê có nền địa hình tương đối bằng phẳng, cốt nền hiện trạng từ +421,50 m đến +428,00m.

- Khu vực di tích Vườn mít, cánh đồng cô Hầu tại xã Nghĩa An, huyện Kbang có nền địa hình đồi thấp, sườn thoải xen kẽ là những thung lũng, cốt nền hiện trạng từ +610,00m đến +663,00m.

- Các khu vực khác nền địa hình tương đối bằng phẳng.

#### ***ii. Giao thông***

Giao thông đối ngoại<sup>1</sup>:

- Quốc lộ 19: Là tuyến đường kết nối giữa tỉnh Bình Định và Gia Lai, tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, nền rộng 10m, mặt rộng 7m, kết cấu bê tông nhựa.

- Đường Tỉnh 667: đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi, nền đường rộng 7m, mặt đường rộng 3,5m.

- Đường Tỉnh 669: đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, nền đường rộng 9m, mặt đường bê tông nhựa rộng 7m.

Giao thông đối nội: Các tuyến đường đến di tích hầu hết là đường đất, mặt cắt ngang đường 4 - 6m đối với tuyến đường nội bộ trong khu trung tâm và khu vườn mít, mặt cắt từ 1 - 3 m đối với các tuyến đường nội bộ trong các di tích còn lại.

#### ***iii. Cấp nước và phòng cháy chữa cháy***

- Khu vực di tích An Khê Đình, An Khê Trường và Nhà trung bày Tây Sơn thượng đạo đã có hệ thống cấp nước sinh hoạt từ nhà máy nước An Khê. Tại khu vực di tích đã có giếng nước và máy bơm nước phục vụ cấp nước cho khu di tích. Khu vực di tích chưa được đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Các khu vực di tích khác: Vườn mít, cánh đồng cô Hầu; nền nhà, hồ nước, kho tiền ông Nhạc chưa có hệ thống cấp nước và chưa được đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy.

#### ***iv. Thoát nước, vệ sinh môi trường***

- Khu vực di tích An Khê Trường, An Khê Đình và Nhà trung bày Tây Sơn thượng đạo, chưa có hệ thống thoát nước thải, nước thải được xử lý sơ bộ trong hệ thống bể phốt 3 ngăn. Rác thải được thu gom và vận chuyển đến bãi tập kết rác của địa phương.

- Các khu vực di tích khác: Vườn mít, cánh đồng cô Hầu; nền nhà, hồ nước, kho tiền ông Nhạc, chưa có hệ thống thoát nước thải, nước thải chủ yếu tự chảy

---

<sup>1</sup> Nguồn: Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

và ngầm xuống đất.

#### v. Cấp điện

- Khu vực di tích An Khê Trường, An Khê Đình và Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo đã có hệ thống cấp điện từ điện lưới quốc gia.

- Các khu vực di tích khác: Vườn mít, cánh đồng cô Hầu; nền nhà, hồ nước, kho tiền ông Nhạc; miếu xà, hòn đá ông Nhạc hệ thống cấp điện chưa được đầu tư.

## V. CÁC ĐẶC TRƯNG VÀ GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA DI TÍCH

### 1. Các đặc trưng của di tích

- Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo gồm nhiều di tích, nhiều loại hình, phân bố trên địa bàn rộng lớn gần 4.000 km<sup>2</sup> gồm thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kông Chro và huyện Kbang của tỉnh Gia Lai, khoảng cách giữa các điểm di tích trong quần thể di tích khá xa có những điểm lên tới 70km như từ điểm di tích vườn mít, cánh đồng cô Hầu (xã Nghĩa An, huyện Kbang) đến điểm di tích kho tiền ông Nhạc (xã Yang Nam, huyện Kông Chro).

- Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo là di tích “duy nhất” gắn liền với Phong trào nông dân Tây Sơn ở khu vực Tây Nguyên. Quần thể di tích gắn liền với giai đoạn đầu tiên của phong trào nông dân Tây Sơn, giai đoạn mở đầu, manh nha nên công trình xây dựng ít và quy mô nhỏ. Một số di tích trong quần thể di tích được xác định bằng trí nhớ, tình cảm của người dân nên độ xác thực mờ nhạt.

- Mỗi di tích trong quần thể di tích có những đặc trưng khác nhau, có di tích đã được trùng tu, xây dựng mới một số hạng mục; có di tích bị tàn phá nghiêm trọng giờ chỉ còn là phế tích, một số di tích chỉ còn dấu tích.

### 2. Các giá trị tiêu biểu của di tích

#### a. Giá trị về lịch sử, văn hóa

Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo là nơi phát tích, căn cứ chiến lược của nghĩa quân Tây Sơn. Đây là đất đứng chân mà nghĩa quân Tây Sơn đã vùng lên và nhanh chóng lan tỏa, phát triển thành một cuộc khởi nghĩa nông dân có quy mô toàn quốc. Quần thể di tích là một bộ phận quan trọng trong di sản văn hóa dân tộc. Di tích lịch sử văn hóa này là nguồn sử liệu trực tiếp, cung cấp những thông tin quan trọng để khôi phục các trang sử hùng tráng của dân tộc thời Tây Sơn, phát huy vai trò, giá trị trên các mặt liên quan.

Mặt khác, quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo là nơi lưu giữ, thể hiện những giá trị truyền thống về trọng lễ phải, về tinh thần yêu nước, chí khí quật cường của nhân dân. Địa danh này cũng là môi trường để rèn luyện để tạo nên người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ, tức Hoàng đế Quang Trung sau này.

Bên cạnh đó, đây còn là vùng đất khá biểu trưng cho tinh thần đoàn kết các cộng đồng dân tộc trong việc chống thù trong, giặc ngoài thời bấy giờ: Các lãnh tụ phong trào Tây Sơn đã thuyết phục, quy tụ, đoàn kết được cộng đồng các dân tộc Việt, Bahnar, Xơ Đăng... tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của họ ngay chính tại

vùng đất Tây Sơn thượng đạo. Cuộc khởi nghĩa được nhân dân rất đồng tình và ủng hộ cả về tinh thần lẫn vật chất và con người. Chính tinh thần đoàn kết và sự giúp đỡ ấy đã cắm thêm gốc rễ trong vùng đồng bào, tạo thêm sức mạnh cho nghĩa quân. Điều đó thể hiện chủ trương đúng đắn và cũng là kinh nghiệm quý báu của các lãnh tụ và nghĩa quân Tây Sơn. Sự đoàn kết, thủy chung, gắn bó, hỗ trợ, giúp đỡ nhau đó tô đẹp thêm cho truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, thể hiện mối quan hệ keo sơn không thể tách rời của nhân dân miền xuôi với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

### ***b. Giá trị về du lịch***

Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo là một trong những nơi hấp dẫn cho khách du lịch trong và ngoài nước. Vùng Tây Sơn thượng đạo có địa thế khá hùng vĩ, tươi đẹp, nên thơ và thuận tiện (về giao thông và điều kiện lưu trú). Nhìn từ đỉnh đèo An Khê, phía Đông là nước non Bình Định, phía Tây là cao nguyên An Khê bằng phẳng đến tận chân đèo Mang Yang. Nơi đây, giao thông khá dễ dàng từ đồng bằng lên Tây Nguyên và ngược lại, là cầu nối giao lưu quan trọng giữa miền xuôi và miền Thượng, là vùng đất có nhiều tiềm năng cho sự phát triển du lịch.

### ***c. Giá trị khảo cổ***

Khu vực thị xã An Khê, huyện Kbang, Đak Pơ và Kông Chro nằm trong vùng chuyển tiếp từ cao nguyên Bắc Tây Nguyên xuống đồng bằng biển đảo Trung Bộ. Con sông Ba với sự có mặt dày đặc các di tích khảo cổ ở đây là cái nền vững chắc, làm nên truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời cho vùng đất Tây Sơn thượng đạo. Ngược lại, chính các di tích trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo là cái đích hội tụ truyền thống lịch sử lâu đời vùng đất này trên cơ sở truyền thống đoàn kết dân tộc Kinh - Ba Na. Vùng đất An Khê xưa còn là nơi cư trú và khai phá của cộng đồng cư dân hậu kỳ Đá mới với hệ thống các công xưởng chế tác đá, các di chỉ - xưởng và các di tích cư trú giai đoạn 4.000 - 3.000 năm cách ngày nay. An Khê là địa bàn duy nhất ở Gia Lai tìm thấy khuôn đúc rìu đồng, trống đồng, hệ thống cuốc đá, minh chứng cho các hoạt động luyện kim, đúc đồng, sự tồn tại của nền nông nghiệp dùng cuốc với sự phát triển cao, đủ tiềm lực kinh tế vươn ra giao lưu trao đổi với cư dân văn hóa Đông Sơn qua trao đổi sử dụng trống đồng Đông Sơn phía Bắc, trao đổi kỹ thuật đúc rìu đồng hình hyperpol của cư dân văn hóa Dốc Chùa lưu vực sông Đồng Nai. Các di tích đồn lũy quân sự, các di tích rèn, luyện sắt dọc sông Ba, các điểm tích trữ lương thực, vũ khí, đồ dùng gốm sứ phong phú liên quan đến nghĩa quân Tây Sơn. Những tư liệu này gợi ý rằng nhà Tây Sơn ở giai đoạn đầu không chỉ chú trọng xây dựng đồn trú mà còn tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, chế tạo đồ sắt, phát triển giao thương buôn bán với bên ngoài, củng cố sức mạnh của nghĩa quân Tây Sơn tại căn cứ Tây Sơn thượng đạo.

Theo Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật di tích sơ kỳ đá cũ tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai năm 2018, do đoàn Khảo cổ học Việt - Nga tiến hành năm 2018 và các

cuộc khảo sát, khai quật tiến hành trong các năm trước đó, đã phát hiện được hơn 20 địa điểm có di tồn văn hóa của người nguyên thủy ở các địa điểm Rộc Tung, Rộc Nếp... (xã Xuân An và Thành An, thị xã An Khê) và địa điểm G Đá phung An B nh (thị xã An Khê). Khung niên đại cung cho các di tích Đá cũ n hê và kh ảng rên dư i 80 vạn ăm các na , tư ng đ ơng v i kỹ ghê ách Sắ, uảng ây, Tung Qu c. rên 2 địa ểm s k Đá cũ p át hi n ượ tro g vù g đồ gò t ung ũng An Khê l bản c ứng về sự h ện di n ủa cộng đồng ngư i gi i đo n tối cổ c a nh n l ại trê đất nước Việt Nam Đây là n uồn ữ l ệu xác n ận mốc hỏi đầu ủa ịch ử V ệt am.

#### **d. Các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích**

Các lễ hội liên quan đến di tích:

- Lễ Quý Xuân (tế xuân): Vào ngày 9 tháng 2 âm lịch hàng năm, tại đây có lễ rước sắc thần từ An Khê Trường vào An Khê Đình tế thần. Sáng ngày 10 tháng 2 rước lại về An Khê Trường theo nghi thức cổ truyền trang trọng. Nhân dân trong vùng về dự lễ, xem hát bội, đánh cờ, hát cầu huê,... rất đông.

- Từ sau năm 1975 đến nay, vào ngày mừng 4 tết nguyên đán, chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức lễ hội Tây Sơn thượng đạo, kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa và ngày nay trở thành ngày hội văn hóa truyền thống của địa phương. Từ năm 2016, Lễ hội Cầu Huê cũng được tổ chức trong dịp này. Năm 2018, chuỗi lễ hội này đã được tổ chức trong 2 ngày, thu hút đông đảo nhân dân các huyện phía đông tỉnh tham gia và cũng là một điểm đến hấp dẫn đối với du khách.

- Ngoài ra, tại đây còn tổ chức lễ kỷ niệm ngày mất Hoàng đế Quang Trung (ngày 29/7).

Văn học dân gian tại vùng Tây Sơn thượng đạo liên quan tới phong trào Tây Sơn thể hiện qua những tác phẩm, truyện như: Tác phẩm Trầm tích Tây Sơn thượng<sup>2</sup>, Sự tích đèo An Khê, Núi Hiển Hách, Núi Ông Bình, Núi Ông Nhạc, Núi Hoàng đế và Cánh đồng Cô Hầu, Hang Tối Trời, Vực Trầm Hương, Sự tích Giếng Tiên, Sự tích Miếu Xà, Gò Chợ, Thác Chìa Khóa,...

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG HIỆN TRẠNG**

### **1. Điểm mạnh**

- Vị trí quan trọng là cửa ngõ phía Đông của vùng Tây Nguyên - tỉnh Gia Lai. Hệ thống giao thông đường bộ cấp quốc gia và khu vực đang từng bước tăng cường hiện đại hóa; Quốc lộ 19 là trục đường liên vùng, cầu nối giao lưu giữa vùng Duyên hải miền Trung - vùng Tây nguyên với các tỉnh nước Campuchia.

- Là điểm đến còn mới trên bản đồ du lịch, nên chưa được khám phá.

- Tiềm năng sinh thái đa dạng và độc đáo.

- Khu vực quy hoạch có bề dày truyền thống lịch sử với nhiều di tích lịch

sử văn hóa đồng thời kết nối thuận lợi với các di tích, các điểm tham quan khác trong tỉnh để tạo thành các tour, tuyến du lịch.

## **2. Điểm yếu**

- Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo gắn liền với giai đoạn đầu tiên của phong trào Tây Sơn, giai đoạn hình thành, mở đầu, mạnh mẽ, nên công trình xây dựng ít, quy mô xây dựng nhỏ, chủ yếu gắn với môi trường của Nguyễn Nhạc với bà con dân tộc Tây Nguyên.

- Các di tích trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo nằm rải rác, trải rộng trên địa bàn 4 huyện, thị xã, nhiều di tích trong quần thể di tích đã bị hủy hoại do thời gian, khí hậu, phá hủy do sự trả thù của nhà Nguyễn, ...

- Không xác định được vị trí một số di tích trong quần thể di tích do các di tích, vị trí di tích được xác định bằng trí nhớ, tình cảm người dân nên độ xác thực mờ nhạt.

- Quần thể di tích chưa được khai thác hiệu quả và tương xứng với tiềm năng. Chưa có công trình tôn vinh, tưởng niệm để tưởng nhớ công lao to lớn của anh em Tây Sơn. Thiếu các sản phẩm, dịch vụ phục vụ du lịch.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế.
- Công tác bảo tồn di tích còn nhiều hạn chế.
- Là điểm đến còn được ít người biết đến.
- Hoạt động giới thiệu rất hạn chế.

## **3. Cơ hội**

- Xu thế phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa.
- Có cơ hội phát triển thúc đẩy kinh tế, du lịch tỉnh Gia Lai.
- Nhận được sự hỗ trợ của Trung ương cũng như địa phương trong công tác tu bổ, bảo tồn di tích.

## **4. Thách thức**

- Đòi hỏi xây dựng các định hướng phát triển du lịch phù hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng và tạo điều kiện phát triển bền vững.

- Đòi hỏi nguồn kinh phí tương đối lớn trong công tác bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị di tích.

- Đòi hỏi đầu tư phát triển vừa giữ được những nét hấp dẫn truyền thống vừa đưa vào những tiện nghi hiện đại để đáp ứng mọi kỳ vọng của du khách.



## CHƯƠNG III. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

### I. CÁC TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG CHÍNH CỦA KHU VỰC NGHIÊN CỨU

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là khu vực có giá trị to lớn về lịch sử - văn hóa được quy hoạch thành một không gian văn hóa, sinh thái với các tính chất chính:

- Là khu di tích lịch sử - văn hóa có giá trị lớn về mặt lịch sử, văn hóa dân tộc.

- Là trung tâm văn hóa nhằm tưởng niệm, tôn vinh, tổ chức các hoạt động lễ hội và sự kiện văn hóa khác của địa phương.

- Là không gian du lịch sinh thái, trải nghiệm, tâm linh.

- Là động lực thu hút khách du lịch, tham quan và thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

### II. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA KHU VỰC QUY HOẠCH

#### 1. Các chỉ tiêu về sử dụng đất

- Mật độ xây dựng tùy theo các khu chức năng 5% - 60%, trong đó:
- + Khu di tích  $\leq 20\%$
  - + Khu dịch vụ  $\leq 60\%$
  - + Khu công viên công cộng, công viên cây xanh  $\leq 5\%$
  - + Khu công viên chuyên đề  $\leq 25\%$
  - Tầng cao  $\leq 3$  tầng
  - Mật độ cây xanh  $\geq 20\%$

(Nguồn: Tham khảo QCXDVN 01:2008/BXD)

#### 2. Các chỉ tiêu về hạ tầng

##### i. Giao thông

Bảng Chỉ tiêu giao thông

Stt	Loại đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Bề rộng 1 làn xe (m)	Bề rộng của đường (m)	Số làn xe 2 chiều
1	Đường chính khu vực	50÷60	3,5	23,0	4
2	Đường khu vực	40÷50	3,5	16,0	2
3	Đường phân khu vực	40	3,5	13,0	2
4	Đường nhóm nhà ở	20÷30	3,0	7,0	2
5	Đường đi xe đạp		1,5	3,0	2
6	Đường đi bộ		0,75	1,5	2

Nguồn: QCXDVN 07-4:2016/BXD

## ii. **Chỉ tiêu cấp nước**

*Bảng Chỉ tiêu cấp nước*

Stt	Hạng mục	Đ.v tính	Chỉ tiêu
1	Dân cư	lít/người/nd	150
2	Khách du lịch (80% tiêu chuẩn cấp nước dân cư)	lít/người/nd	120
3	Các công trình dịch vụ, công cộng	lít/m <sup>2</sup> sàn/nd	2,00
4	Các công trình di tích	lít/m <sup>2</sup> sàn/nd	2,00
5	Tưới cây	lít/m <sup>2</sup> /nd	3,00
6	Rửa đường	lít/m <sup>2</sup> /nd	0,50

*Nguồn: QCXDVN 01:2008/BXD; TT 34/2009/TT-BXD*

## iii. **Thoát nước bản và rác thải**

- Tỷ lệ thu gom nước bản  $\geq 80\%$  lượng nước cấp;
- Lượng chất thải rắn phát sinh 1,0 kg/người-ngày
- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom  $>95\%$  lượng rác thải rắn phát sinh.

## iv. **Chỉ tiêu cấp điện**

*Bảng Chỉ tiêu cấp điện*

Stt	Hạng mục	Đ.v tính	Chỉ tiêu
1	Khu nhà nghỉ	Kw/giường	2,00
2	Các công trình dịch vụ, công cộng	w/m <sup>2</sup> sàn	30,00
3	Khu bãi đậu xe	w/m <sup>2</sup> sàn	20,00
4	Các công trình di tích	w/m <sup>2</sup> sàn	30,00
5	Độ rọi tối thiểu của đường giao thông	Lx	5,00
6	Chiếu sáng cây xanh, công viên	Lx	5,00

*Nguồn: QCXDVN 01:2008/BXD; QCVN 07-7:2016/BXD*

## **CHƯƠNG IV. CÁC ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHU DI TÍCH**

### **I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH**

- Việc bảo tồn, bảo vệ di tích phải đặt lên hàng đầu, làm cơ sở khai thác, phát huy giá trị của khu di tích.

- Bảo tồn phải gắn với phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích, với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Quy hoạch phải mang tính khả thi, kế thừa các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan.

- Tu bổ di tích nhằm giáo dục truyền thống, đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân địa phương.

- Bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển du lịch, giữa dân tộc và hiện đại.

### **II. MỤC TIÊU QUY HOẠCH**

#### **1. Mục tiêu ngắn hạn**

- Nghiên cứu, khảo sát di tích và khu vực lân cận để làm rõ các giá trị liên quan đến di tích.

- Tạo cơ sở cho việc quản lý các hoạt động bảo tồn, xây dựng, phát huy giá trị di tích, gắn việc bảo tồn di tích với phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo trong công tác quản lý, lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư.

#### **2. Mục tiêu dài hạn**

- Hoàn thiện không gian kiến trúc cảnh quan về bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - du lịch của tỉnh Gia Lai.

- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích trên nguyên tắc bảo tồn di tích gắn với phát triển du lịch bền vững và gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cấp hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường dân sinh.

### **III. XÁC ĐỊNH RANH GIỚI CÁC KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH**

#### **1. Xác định ranh giới các khu vực bảo vệ di tích**

Theo khoản 1, điều 32, Luật Di sản văn hóa năm 2001, các khu vực bảo vệ di tích bao gồm:

- Xác định ranh giới khu vực bảo vệ I (khu vực có các di tích và các vùng được xác định là yếu tố gốc cấu thành di tích và cảnh quan thuộc di tích cần được bảo vệ).

- Xác định ranh giới khu vực bảo vệ II (khu vực bao quanh hoặc tiếp giáp với khu vực bảo vệ I để bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái của di tích, là

khu vực được phép xây dựng các công trình phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị của di tích).

## **2. Ranh giới các khu vực bảo vệ di tích Tây Sơn thượng đạo**

Hiện tại xác định rõ và cụ thể về ranh giới khu vực bảo vệ I, khu vực bảo vệ II của các di tích trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo. dựa trên các sơ đồ khoanh vùng bảo vệ kèm theo Hồ sơ di tích, xác định cụ thể trên bản đồ cũng như trên thực địa. Ranh giới bảo vệ các di tích được xác định cụ thể như sau:

### **a. Khu trung tâm khoanh vùng bảo vệ S=12ha**

Gồm di tích An Khê Đình, An Khê Trường và công trình Nhà trung bày Tây Sơn thượng đạo, lũy An Khê tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê, ranh giới diện tích khoanh vùng bảo vệ I có S=1,05 ha, trong đó:

- An Khê Trường: Khu vực bảo vệ I được tính từ khu vực hàng rào bao quanh di tích An Khê Trường, ranh giới khu vực bảo vệ I như sau:

+Phía Bắc giáp đường theo Quy hoạch chung thị xã An Khê.

+Phía Nam giáp tuyến đường đất hiện trạng.

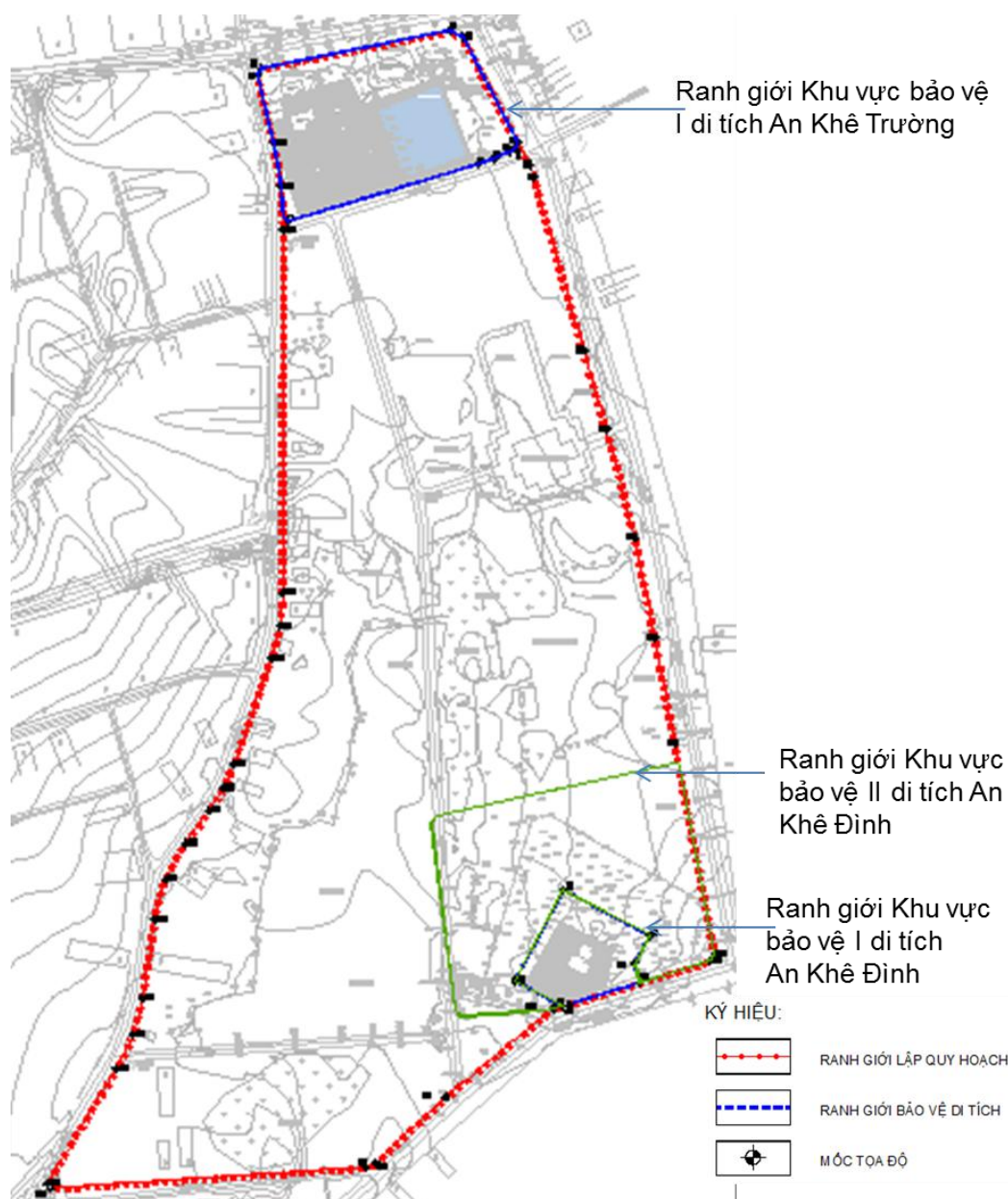
+Phía Đông và phía Tây giáp các tuyến giao thông hiện trạng.

- An Khê Đình: Khu vực bảo vệ I được tính từ khu vực hàng rào bao quanh di tích An Khê Đình, ranh giới khu vực bảo vệ I như sau:

+Phía Bắc, Đông và Tây giáp khu đất nông nghiệp hiện trạng.

+Phía Nam giáp tuyến đường giao thông hiện trạng.

- Khu vực bảo vệ II có S=10,05 ha là khu vực đất nông nghiệp hiện trạng bao quanh di tích An Khê Đình được quy hoạch để tạo không gian xanh vùng đệm di tích.



Hình 20: Ranh giới các khu vực bảo vệ di tích An Khê Đình và An Khê Trường

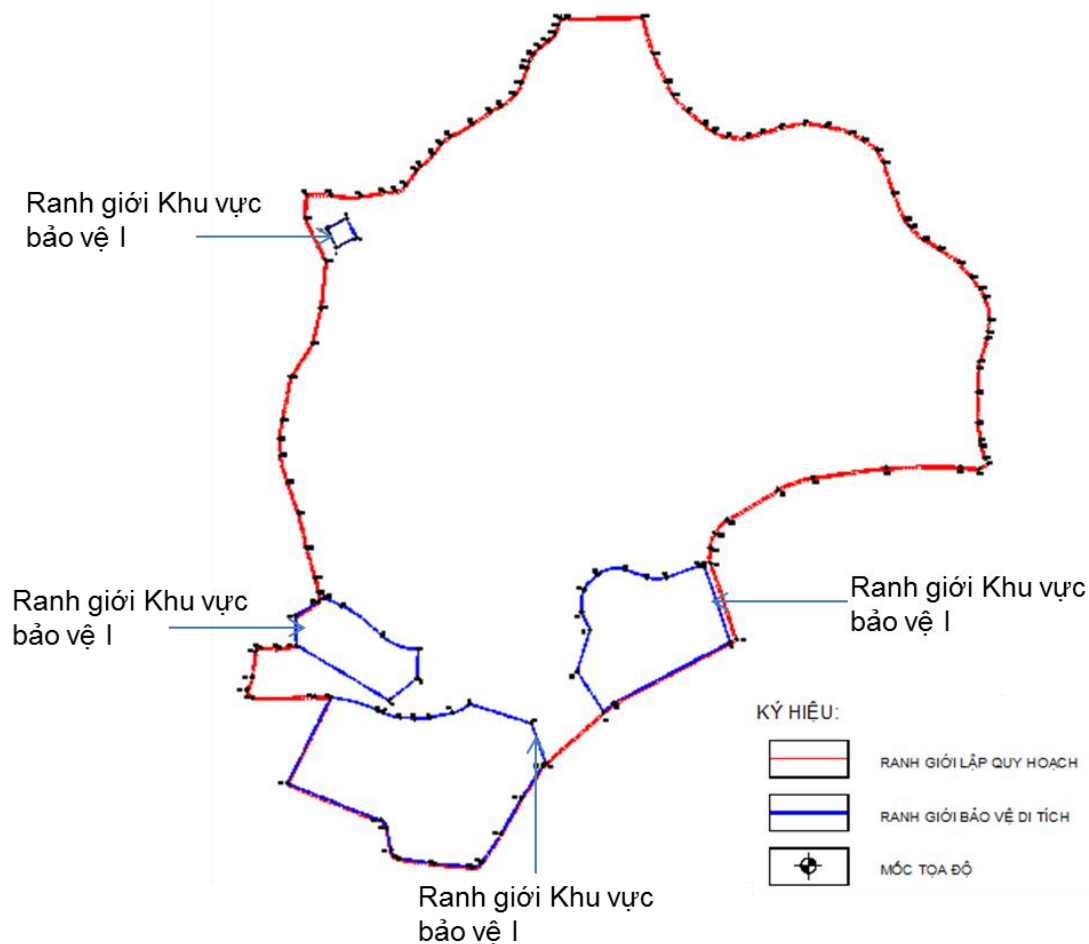
**b. Khu vườn mít và cánh đồng Cô Hầu có khoanh vùng bảo vệ S=20ha**

Vị trí tại xã Nghĩa An, huyện Kbang, ranh giới bảo vệ di tích như sau: Khu vực bảo vệ I xác định trên cơ sở lựa chọn một số khu vực cánh đồng và các cây mít cổ thụ còn lại để khoanh vùng bảo vệ di tích.

+Diện tích khoanh vùng bảo vệ I: S=5,4ha;

+Diện tích khoanh vùng bảo vệ II: S=14,6ha

Khu vực bảo vệ II có diện tích là khu vực đất nông nghiệp hiện trạng bao quanh di tích được quy hoạch để tạo không gian xanh vùng đệm di tích.



Hình 21: Ranh giới bảo vệ di tích Vườn mít và cánh đồng Cô Hầu

**c. Nền nhà, hồ nước ông Nhạc có khoanh vùng bảo vệ  $S=0,68ha$**

Vị trí tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro, các ranh giới bảo vệ di tích như sau:

- Khu vực bảo vệ I được tính từ khu vực hàng rào bao quanh di tích nền nhà, hồ nước ông Nhạc. Diện tích khoanh vùng bảo vệ I:  $S=0,2ha$

- Khu vực bảo vệ II là khu vực đất nông nghiệp hiện trạng được quy hoạch tạo không gian xanh vùng đệm khu di tích. Diện tích khoanh vùng bảo vệ II:  $S=0,48ha$

**d. Kho tiền ông Nhạc có khoanh vùng bảo vệ  $S=2,4ha$**

Vị trí tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro, ranh giới bảo vệ di tích như sau:

- Khu vực bảo vệ I là khu vực hốc đá ven bờ suối hiện trạng được khoanh vùng bảo vệ. Diện tích khoanh vùng bảo vệ I:  $S=0,6ha$

- Khu vực bảo vệ II là khu vực đất nông lâm nghiệp hiện trạng được quy hoạch tạo không gian xanh vùng đệm khu di tích. Diện tích khoanh vùng bảo vệ II:  $S=1,8ha$

**e. Miếu xà có khoanh vùng bảo vệ  $S=7,2ha$**

Miếu xà thuộc thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê, ranh giới bảo vệ di tích được xác định như sau: Khu vực bảo vệ I có  $S=7,2ha$  là khu vực miếu xà và bia dẫn tích hiện trạng.

**f. Hòn đá ông Nhạc có khoanh vùng bảo vệ  $S=0,2ha$**

Hòn đá ông Nhạc tại làng Đê Chợ Gang, xã Phú An, huyện Đak Pơ, cạnh dòng suối Chợ Ngao, các ranh giới bảo vệ di tích được xác định như sau:

- Khu vực bảo vệ I: Là khu vực hòn đá ông Nhạc hiện trạng được khoanh vùng bảo vệ di tích. Diện tích khoanh vùng bảo vệ I:  $S=0,01ha$

- Khu vực bảo vệ II: Là khu vực đất nông nghiệp hiện trạng được quy hoạch tạo không gian xanh vùng đệm khu di tích. Diện tích khoanh vùng bảo vệ I:  $S=0,19ha$

**g. Các điểm di tích khác**

- Gò Đồn có khoanh vùng bảo vệ I:  $S=3,9ha$

- Gò Trại có khoanh vùng bảo vệ I:  $S=3,2ha$

- Mễ Kho có khoanh vùng bảo vệ I:  $S=3,1ha$

- Vườn lính có khoanh vùng bảo vệ I:  $S=3,7ha$

- Đình Cửu An có khoanh vùng bảo vệ  $S=0,32ha$ . Trong đó:

+khoanh vùng bảo vệ I:  $S=0,087ha$

+khoanh vùng bảo vệ II:  $S=0,233ha$

- Dinh Bà có khoanh vùng bảo vệ  $S=0,2ha$

- Xóm Ké + Gò Kho + Gò Trại có khoanh vùng bảo vệ  $S=6,54ha$

- Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào

- Núi Hoàng Đế

## **IV. ĐỊNH HƯỚNG BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

### **1. Phương hướng chung đối với bảo quản tu bổ phục hồi di tích**

**a. Quan điểm**

- Bảo quản, tu bổ và tôn tạo các hạng mục công trình di tích, cần bảo vệ tối đa các yếu tố nguyên gốc, đảm bảo giữ gìn môi trường cảnh quan thiên nhiên của di tích. Các hạng mục kiến trúc gốc hiện còn tại di tích cần được bảo tồn, tu bổ, trên cơ sở kiến trúc gốc, đảm bảo các yêu cầu cao về kỹ thuật, mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, tâm linh của mọi tầng lớp nhân dân.

- Bảo tồn, bảo vệ khuôn viên cảnh quan, môi trường sinh thái tự nhiên khu vực di tích, cần lựa chọn các loại cây xanh có xuất xứ bản địa, thường được sử dụng trồng trong các không gian di tích để trồng trong khuôn viên di tích.

- Các hạng mục công trình phụ trợ, công trình khai thác phát huy giá trị di tích như khu dịch vụ, khu văn hóa, lễ hội, bãi đỗ xe, biển chỉ dẫn,.... phải đảm

bảo quy mô phục vụ di tích, nằm ở những vị trí thích hợp không làm ảnh hưởng đến không gian và các hoạt động tế lễ tại di tích, quy mô, hình thức kiến trúc, chiều cao công trình và vật liệu sử dụng phải phù hợp ăn nhập với không gian của di tích.

- Quy hoạch cần phải định hướng về việc bảo tồn và phát triển không gian, cảnh quan di tích, gắn kết di tích gốc với cảnh quan sinh thái và các giá trị văn hóa phi vật thể đặc trưng của vùng, nhằm gìn giữ và phát huy giá trị di tích được bền vững, đồng thời gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sự phát triển của các ngành có liên quan như du lịch, dịch vụ, ngành nghề thủ công.

### ***b. Mục tiêu***

- Bảo quản tu bổ phục hồi và giữ gìn bảo vệ di tích.

- Bảo tồn giá trị cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái của khu di tích.

## **2. Danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản**

### ***a. Phân loại, đánh giá mức độ bảo tồn các di tích***

#### ***i. Nguyên tắc bảo tồn***

- Việc vận dụng các mức độ trong hoạt động bảo tồn di tích được quyết định trên cơ sở đặc điểm, tình trạng bảo tồn, tình trạng kỹ thuật của mỗi di tích cụ thể. Có thể vận dụng một mức độ bảo tồn hoặc kết hợp nhiều mức độ phù hợp với từng thành phần hoặc từng hạng mục của di tích.

- Bảo tồn những giá trị nguyên gốc vốn có của di tích phải được đảm bảo không bị sai lệch hay hủy hoại, mất mát trong quá trình tu bổ. Việc phục hồi từng phần hay toàn phần đều phải có những cơ sở khoa học chắc chắn và những căn cứ xác thực.

#### ***ii. Các mức độ bảo tồn và phân loại***

Trên cơ sở đặc điểm, tình trạng bảo tồn, tình trạng kỹ thuật của mỗi di tích cụ thể trong quần thể di tích, có thể vận dụng một mức độ bảo tồn hoặc kết hợp nhiều mức độ phù hợp với từng thành phần hoặc từng hạng mục di tích. Các mức độ bảo tồn có thể áp dụng:

- Bảo quản: Giữ nguyên trạng, loại trừ các sai lệch, ngăn ngừa các tác nhân gây hại, giữ gìn lâu dài và không làm thay đổi các yếu tố nguyên gốc.

- Gia cố: Là các giải pháp kỹ thuật để làm chắc chắn, tăng tuổi thọ của di tích. Giảm và loại trừ sự hư hại cấu trúc của di tích.

- Tu sửa, tu bổ: Sửa chữa về kỹ thuật, điều chỉnh sự biến dạng, khắc phục những hư hỏng của di tích. Hoạt động này diễn ra khi phát hiện những sự biến dạng, hư hỏng nhỏ và cần tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc về bảo tồn.

- Phục hồi từng phần: Đưa di tích về nguyên dạng bằng cách loại bỏ những sai lệch, phục chế lại những thành phần đã mất, tái định vị các thành phần



nguyên gốc, có sự khôi phục lại những thành phần khác.

- Phục hồi toàn phần: Dựng lại di tích bằng các vật liệu, kỹ thuật, phương pháp cũ theo hình thể nguyên gốc. Công việc này được áp dụng để bổ sung tính toàn vẹn của tổng thể di tích, cần có những nguyên tắc về tính xác thực.

- Tôn tạo: Bổ sung những thành phần mới hoặc loại bỏ những thành phần gây nguy hại và không phù hợp đối với di tích. Việc tôn tạo ngoài sự bổ sung cho những di tích còn là những biểu hiện, dấu ấn của thời đại hiện nay, những thành phần tôn tạo phải phù hợp với các thành phần cũ và cấu trúc chung của di tích.

- Thích nghi: Là việc gắn cho di tích những chức năng mới, đáp ứng nhu cầu về sử dụng đương đại. Công việc này cần cân nhắc và thận trọng để không làm biến đổi và sai lệch những giá trị vốn có của di tích.

### ***b. Danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản***

Năm 1991 quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo đã được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; Năm 2022 được công nhận theo quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt;

Tuy nhiên, những di sản này chưa được nghiên cứu, quy hoạch bảo quản, tu bổ, bảo tồn và phát huy; mộ số điểm di tích đang đứng trước nguy cơ bị xâm hại, xuống cấp trầm trọng, thậm chí có di tích còn bị xóa sổ hoàn toàn.

- **Khu di tích An Khê Đình, An Khê Trường:** Vị trí tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê. Khu vực này gồm các công trình di tích được xây dựng khá kiên cố, tuy nhiên một số hạng mục công trình đã bị xuống cấp, hư hỏng. Do đó, định hướng bảo tồn đối với cụm di tích này là áp dụng đồng thời 2 mức độ bảo tồn là bảo quản các hạng mục công trình còn nguyên vẹn và tu sửa, tu bổ di tích các hạng mục công trình di tích bị xuống cấp. Các giải pháp bảo quản, tu bổ cụ thể được thể hiện chi tiết tại phần giải pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- **Khu vườn mít và cánh đồng Cô Hầu:** Vị trí tại xã Nghĩa An, huyện Kbang. Khu vực này hiện nay là khu vực rừng rậm, chỉ còn vài cây mít cổ thụ đã được cắm biển di tích. Do đó, định hướng bảo tồn đối với di tích này là áp dụng đồng thời 3 mức độ bảo tồn là bảo quản và tu sửa, tu bổ để giữ gìn lâu dài các cây mít cổ thụ và cánh đồng Cô Hầu, đồng thời phục hồi bằng cách trồng mới các cây mít thay thế cho vườn mít cổ thụ đã chết trước kia.

- **Di tích nền nhà, hồ nước ông Nhạc:** Vị trí tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro. Di tích này đã được khôi phục trên nền cũ từ năm 2008 và được khoanh vùng bảo vệ di tích. Do đó, định hướng bảo tồn đối với di tích này là áp dụng đồng thời 2 mức độ bảo tồn là bảo quản và tu sửa, tu bổ di tích. Trong các giai đoạn sau khi có điều kiện cần nghiên cứu, khai quật di tích để làm sáng tỏ vấn đề di tích nền nhà, hồ nước ông Nhạc có phải là tháp Chăm hay

không theo nhận định của một số nhà khảo cổ học.

- **Di tích kho tiền ông Nhạc:** Vị trí tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro. Định hướng bảo tồn đối với di tích này là áp dụng đồng thời 2 mức độ bảo tồn là bảo quản và tu sửa, tu bổ di tích.

- **Di tích Miếu xà:** Vị trí tại thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê. Định hướng bảo tồn đối với di tích này là áp dụng đồng thời 2 mức độ bảo tồn là bảo quản và tu sửa, tu bổ di tích.

- **Hòn đá ông Nhạc:** Vị trí tại làng Đê Chợ Gang, xã Phú An, huyện Đak Pơ. Định hướng bảo tồn đối với di tích này là áp dụng đồng thời 2 mức độ bảo tồn là bảo quản và tu sửa, tu bổ di tích để giữ gìn lâu dài di tích.

- **Các điểm di tích khác trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo như Lũy An Khê, Gò Chợ, Gò Kho, Xóm Ké, Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào, cây ké phát cờ, cây cày nổi trống:** Một số di tích đã không còn dấu tích, không xác định được vị trí cụ thể, do đó, định hướng bảo tồn đối với các di tích này là nghiên cứu thu thập, khảo sát đánh giá kỹ về hiện trạng và các giai đoạn sau khi có điều kiện tiến hành phục hồi, phục dựng di tích.

### **3. Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích**

- Phân loại và khoanh ranh giới các khu vực bảo vệ vùng bảo tồn khác nhau.
- Lựa chọn đối tượng bảo tồn và xác định mức độ bảo tồn.
- Đưa ra những chỉ tiêu cụ thể riêng biệt đối với từng vùng bảo tồn và đối tượng bảo tồn để quản lý và hướng dẫn thực hiện.
- Xây dựng kế hoạch tổng quan và cụ thể cho từng khu vực bảo tồn.
- Tiếp tục khảo sát, tìm các tư liệu liên quan trực tiếp, gián tiếp đến di tích.
- Ưu tiên sử dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ truyền thống đã được sử dụng trong di tích, trường hợp giải pháp kỹ thuật, công nghệ truyền thống không đáp ứng được yêu cầu bảo quản, tu bổ phục hồi di tích thì được áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại phù hợp, đã kiểm nghiệm trong thực tế và không làm ảnh hưởng đến đặc điểm, giá trị di tích.
- Ưu tiên bảo quản, gia cố, gia cường di tích trước khi áp dụng phương án tu bổ phục hồi di tích.
- Thường xuyên tham vấn ý kiến nhân chứng lịch sử, chuyên gia, nghệ nhân trong suốt quá trình tu bổ di tích.
- Chú trọng bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích, bảo vệ cấu kiện trong suốt quá trình tu bổ di tích.
- Khi xuất hiện những phát sinh, phát hiện mới về di tích khác với phương án tu bổ đã được phê duyệt phải kịp thời thông báo với chủ đầu tư dự án tu bổ di tích để xử lý.

- Hoạt động tu bổ di tích phải được thực hiện dưới sự giám sát của các cơ quan ban ngành có liên quan và của cộng đồng dân cư, các thành phần tham gia thực hiện tu bổ di tích phải có đủ điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo an toàn cho di tích và khách tham quan.

#### **4. Vùng bảo tồn, đối tượng và giải pháp bảo tồn**

##### ***a. Định hướng chung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích***

- Lựa chọn một số điểm di tích chính để bảo tồn, đồng thời xây dựng các hạng mục công trình để khai thác, phát huy giá trị di tích để di tích trở thành trung tâm du lịch văn hóa, lễ hội và sinh thái như: Cụm di tích Lũy An Khê, An Khê Trường, Gò chợ; Vườn mít và cánh đồng cô Hầu.

- Các điểm di tích khác còn lại được tập trung khoanh vùng bảo tồn, tôn tạo di tích để trở thành những điểm tham quan trên tuyến du lịch về nguồn của tỉnh Gia Lai như: Nền nhà, hồ nước, kho tiền ông Nhạc, miếu xà,...

##### ***b. Giải pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích***

#### ***4.1. Khu vực An Khê Đình, An Khê Trường, Nhà trung bày Tây Sơn thượng đạo***

- Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ khu di tích, hình thành khu trung tâm cho toàn di tích Tây Sơn thượng đạo phục vụ các hoạt động lễ hội, sự kiện chính trị của địa phương và cơ sở hậu cần cho du khách về thăm di tích. Tu bổ, tôn tạo lại các di tích hiện có.

- Bảo quản, tu bổ, phục hồi các hiện vật, công trình, cảnh quan trong khuôn viên từng di tích theo đúng quy định. Chống mối mọt, rêu mốc và bảo vệ bề mặt các công trình di tích và vật thờ bằng hóa chất chuyên dụng. Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng trong khuôn viên di tích: Cấp điện, cấp nước, thoát nước,...

- Lũy An Khê: Nghiên cứu thu thập, khảo sát đánh giá kỹ về hiện trạng và các giai đoạn sau khi có điều kiện tiến hành nghiên cứu khảo cổ để phục chế, tôn tạo di tích Lũy An Khê.

- Gò chợ: Nghiên cứu thu thập, khảo sát đánh giá kỹ về hiện trạng, khoanh vùng bảo vệ một số vị trí thuận lợi về mặt bằng xây dựng và các giai đoạn sau khi có điều kiện tiến hành nghiên cứu khảo cổ để phục dựng di tích Gò chợ.

- Khu tổ chức sự kiện

- Công viên chuyên đề, trải nghiệm

- Hệ thống các công trình dịch vụ, phụ trợ: Khu dịch vụ, đón tiếp; khu vệ sinh; bãi đỗ xe; hệ thống biển chỉ dẫn;...

#### ***4.2. Khu vực vườn mít, cánh đồng cô Hầu***

- Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục

vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử.; hình thành cụm di tích tham quan và trải nghiệm sinh thái.

- Bảo tồn các cây mít cổ thụ, không sử dụng các biện pháp tác động trực tiếp đến cây mít như đóng biển lên cây,... Khoanh vùng, làm hàng rào bảo vệ, chăm sóc, bảo vệ các cây mít cổ thụ. Trồng mới các cây mít thay thế cho vườn mít cổ thụ đã chết trước kia.

- Xây dựng mới bia dẫn tích, biển chỉ dẫn; các công trình tâm linh, tưởng niệm: Đền thờ bà Ya Đố.

- Xây dựng mới các công trình để bảo vệ di tích: Cổng vào, hàng rào bảo vệ, ...nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích, đường giao thông nội bộ.

- Xây dựng mới các công trình khai thác, phát huy giá trị di tích: Khu trải nghiệm sinh thái; Vườn tượng; Hệ thống đường dạo phục vụ tham quan, trải nghiệm

- Các hạng mục công trình dịch vụ, phụ trợ: Khu dịch vụ; Nhà ban quản lý; Bãi đỗ xe; Khu vệ sinh,...

#### **4.3. Khu vực hồ nước, nền nhà ông Nhạc**

- Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử.

- Tiến hành công tác khảo cổ khu vực nền nhà, hồ nước ông Nhạc để tu bổ, phục dựng lại di tích. Cắm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích.

- Xây dựng nhà tưởng niệm; bia dẫn tích kết hợp với phù điêu hoặc biểu tượng về tinh thần đoàn kết các dân tộc.

- Xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ: Khu dịch vụ, chòi nghỉ cho du khách, khu vệ sinh, bãi đỗ xe; Cổng vào, hàng rào, kè đá hồ nước, sân nền,...Nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích.

#### **4.4. Kho tiền ông Nhạc**

Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử.

- Cắm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích.

- Xây dựng bia dẫn tích; hàng rào bảo vệ khu di tích.

- Xây dựng mới các công trình phụ trợ: Khu dịch vụ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe.

- Xây dựng đường giao thông nội bộ tới vị trí kho tiền.

#### **4.5. Hòn đá ông Nhạc**

- Đề xuất ranh giới khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử.

- Xây dựng hàng rào bảo vệ khu di tích; nhà bao che bảo vệ di tích.

- Xây dựng công trình tưởng niệm: Nhà tưởng niệm, bia tưởng niệm.
- Xây dựng mới bia dẫn tích, biển chỉ dẫn.
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ khác: Sân bê tông, công vào, khu vệ sinh, chòi nghỉ chân, giao thông nội bộ,... nâng cấp, cải tạo đường vào di tích.

#### **4.6. Miếu xà**

- Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử.
- Tu bổ, tôn tạo công trình di tích.
- Xây dựng bia dẫn tích kết hợp phù điêu, biểu tượng liên quan đến sự kiện chém rắn, nổi trống phát cờ; nghi môn, cổng, tường rào cho toàn khu.
- Xây dựng công trình phụ trợ: Sân bê tông, đường nội bộ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật,...
- Xây dựng mới nhà truyền thống thôn Thượng An kết hợp trưng bày thông tin về di tích.

#### **4.7. Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào, Gò Kho, xóm Ké; 8. Đình Cửu An, Đình Bà; 9. Gò Đồn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho; Núi Hoàng Đế...**

- Do các di tích nằm trên địa bàn rộng, một số di tích không còn dấu tích do đó đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử.
- Cắm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích.
- Xây dựng bia dẫn tích; hàng rào bảo vệ khu di tích.
- Nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích

#### **c. Giải pháp đối với không gian kiến trúc, cảnh quan bảo vệ khu di tích, tổ chức lễ hội và dịch vụ du lịch**

- Khu vực xây dựng các công trình dịch vụ du lịch phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của quy hoạch để đảm bảo sự văn minh, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và phát triển bền vững.
- Nghiêm cấm hoạt động du lịch gây ô nhiễm môi trường, chặt phá cây hoặc những tác động làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường tự nhiên.
- Bảo vệ địa hình địa mạo, khung cảnh thiên nhiên; các hoạt động xây dựng, khai thác không làm biến đổi cảnh quan.
- Phòng ngừa sự cố cháy rừng và các hoạt động dịch vụ du lịch ảnh hưởng đến môi trường.
- Không cho phép các hoạt động chăn thả, sản xuất nông nghiệp trong khu vực bảo vệ kiến trúc, cảnh quan khu di tích.

#### ***d. Đề xuất giải pháp bảo tồn, tôn tạo cảnh quan quần thể di tích***

- Xây dựng hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh, hợp lý, tạo hình ảnh đẹp nhưng không ảnh hưởng đến giá trị di tích.

- Xây dựng các công trình phát huy giá trị di tích phải có vị trí, quy mô và hình thức kiến trúc phù hợp với không gian di tích, không gây ô nhiễm môi trường, tạo cảnh quan đẹp cho khu di tích.

- Cần thông báo công khai, có biển báo nghiêm cấm hành vi xâm hại đến cảnh quan khu di tích, đặc biệt trong dịp lễ hội.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan cho khu di tích.

#### ***e. Đề xuất các giải pháp phục hồi cảnh quan xung quanh di tích***

- Cải tạo không gian cảnh quan, mặt nước quanh khu di tích.

- Mở rộng giao thông đối ngoại tiếp cận khu di tích.

### **5. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể**

- Nghiên cứu, bảo tồn lễ hội truyền thống, các truyền thuyết, văn hóa dân gian liên quan đến di tích và cộng đồng dân cư địa phương.

- Đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, tâm linh tín ngưỡng tại địa phương, tạo điều kiện để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể tại địa phương.

- Bảo tồn không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên tại địa phương: Công chiêng, các bản nhạc tấu bằng công chiêng, những người chơi công chiêng, các lễ hội có sử dụng công chiêng, những địa điểm tổ chức các lễ hội đó,...

- Bảo tồn và phát huy các phong tục tập quán gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân Tây Nguyên, như một phần không thể thiếu trong suốt vòng đời mỗi con người và trong hầu như tất cả các sự kiện quan trọng của cộng đồng: Từ lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh, lễ cưới xin, lễ tiễn đưa người chết, lễ đâm trâu trong ngày bỏ mả cho đến lễ cúng máng nước, lễ mừng lúa mới, lễ đóng cửa kho, lễ mừng nhà rông mới,...

- Nâng cao ý thức của người dân về ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch văn hóa thông qua các chương trình giáo dục môi trường, tìm hiểu về cội nguồn và các tuyên truyền mang tính xã hội sâu rộng.

- Quảng bá tuyên truyền về lễ hội và các giá trị văn hóa phi vật thể khác liên quan đến di tích và dân cư địa phương để thu hút khách du lịch. Tạo điều kiện tốt hơn cho người dân được tham gia nhiều hơn vào các hoạt động lễ hội gắn với quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo và các lễ hội khác tại địa phương, bởi chính người dân mới là chủ thể, là người giữ gìn và lưu truyền bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

- Tăng cường nguồn đầu tư của Nhà nước đi đôi với huy động các nguồn lực xã hội góp phần bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa và các giá trị văn hóa phi

vật thể tại địa phương.

## **V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**

### **1. Tiềm năng và động lực phát triển**

- Giá trị của khu di tích:

+Di tích lịch sử gắn liền với phong trào Tây Sơn và anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ.

+Di tích lịch sử thể hiện đoàn kết dân tộc giữa người Kinh với các dân tộc ít người ở Tây Nguyên: Chuyện tình của Nguyễn Nhạc với bà Ya Đố.

- Tiềm năng của khu di tích:

+Các giá trị văn hóa gắn với phong trào Tây Sơn trong đó đặc biệt là vai trò của Nguyễn Huệ.

+Các giá trị về sinh thái tự nhiên.

+Các giá trị văn hóa liên quan đến người dân tộc.

- Động lực phát triển:

+Pleiku đang dần trở thành trung tâm của Tây Nguyên.

+Sân bay Pleiku tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

+Khu di tích nằm trên trục Pleiku - An Khê - Quy Nhơn (Bảo tàng Quang Trung của Bình Định) theo trục hành lang đông tây (Quốc lộ 19) kết nối từ Dawei (Myanmar) - Bangkok (Thái lan) - Plei ku - Quy Nhơn.

+Pleiku Gia Lai đang được đệ trình để trở thành công viên địa chất toàn cầu sẽ và dự kiến xây dựng Công viên địa chất Gia Lai là động lực lớn đến thu hút khách du lịch.

### **2. Một số vấn đề phát huy giá trị di tích**

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng và tu bổ di tích, xây dựng các công trình chính yếu từ nguồn vốn nhà nước để tạo thành các hạt nhân và bảo vệ di tích.

- Di tích muốn phát triển bền vững phải lồng ghép các hoạt động, các giá trị gia tăng từ nền tảng văn hóa, sinh thái, môi trường... của bản thân di tích, của các khu vực lân cận. Ví dụ: Lễ hội, trải nghiệm lịch sử, mô phỏng lịch sử, sân khấu hóa, du lịch sinh thái, các sản phẩm lưu niệm,...

- Quảng bá tuyên truyền, các biện pháp tiếp cận thị trường.

- Kết nối tuyến du lịch từ khu vực miền Trung và khu vực Tây Nguyên, đặc biệt chú ý kết nối với các di tích Tây Sơn ở Bình Định.

- Quy hoạch các không gian chức năng (tạo quỹ đất) để kêu gọi thu hút đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa, đặc biệt là việc phát huy giá trị di tích.

### **3. Các sản phẩm, dịch vụ tại di tích**

#### ***i. Khu An Khê Đình, An Khê Trường, Nhà trưng bày Tây Sơn Thượng đạo***

- Tham quan di tích.
- Tổ chức lễ hội: Duy trì tổ chức và mở rộng quy mô các lễ hội hiện có tại địa phương liên quan đến quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo như: Lễ hội rước sắc thần vào ngày 9 - 10/2 âm lịch hàng năm tại di tích An Khê Đình, An Khê Trường; lễ hội Tây Sơn thượng đạo, kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa và Lễ hội Cầu Huê vào ngày mùng 4 và mùng 5 tết âm lịch; lễ kỷ niệm ngày mất Hoàng đế Quang Trung vào ngày 29/7;...

- Các hoạt động tưởng niệm, tôn vinh công lao nhà Tây Sơn;
- Tổ chức các dịch vụ khác: Vui chơi giải trí, các hoạt động trải nghiệm,...

#### **ii. Khu vực vườn mít, cánh đồng cô Hầu**

- Tổ chức các hoạt động dã ngoại, cắm trại theo hình thức trại binh lính thời xưa
- Trải nghiệm công việc trồng lúa của binh lính Tây Sơn thời xưa
- Tổ chức lễ hội, sự kiện
- Tuyến du lịch đường bộ: Tham quan vườn quốc gia Kon Ka Kinh, thác Dơi, sông Ba,...

#### **iii. Khu vực nền nhà, hồ nước và kho tiền ông Nhạc**

- Tham quan di tích, cộng đồng dân tộc quanh di tích.
- Du lịch homestay: Tìm hiểu, trải nghiệm lối sống, bản sắc văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số: Ba Na.

### **4. Định hướng sản phẩm và thị trường du lịch**

#### **a. Sản phẩm du lịch**

##### **i. Du lịch văn hóa, tâm linh**

- Lễ bái, tưởng nhớ công lao các anh em họ Nguyễn (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ), Bà Ya Đố...

- Tham quan quần thể di tích phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn thượng đạo): An Khê Đình, An Khê Trường, Miếu xà, nền nhà, hồ nước,...

- Tham dự lễ hội tại khu di tích, các chương trình vui chơi giải trí, trò chơi dân gian tại lễ hội.

- Các hoạt động trải nghiệm gắn với hoạt động lao động, sản xuất của binh lính Tây Sơn thời xưa.

- Tìm hiểu văn hóa công chiêng Tây Nguyên: Công chiêng, các bản nhạc tấu bằng công chiêng, các lễ hội có sử dụng công chiêng, phong tục tập quán của người dân Tây Nguyên,...

##### **ii. Du lịch sinh thái**

- Du lịch sinh thái nông nghiệp: Tham quan, trải nghiệm hoạt động sản



xuất nông nghiệp: trồng lúa, sắn, mía...

- Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực Vườn mít, cánh đồng cô Hầu: Tham quan cảnh quan sinh thái, nghỉ dưỡng tại các khu lưu trú xây dựng theo mô hình nghỉ dưỡng sinh thái,...

- Tổ chức các hoạt động dã ngoại, cắm trại.

### **iii. Du lịch cộng đồng**

- Tìm hiểu, tham quan bản làng dân tộc Ba Na

- Trải nghiệm lối sống tại làng bản: Ngủ tại nhà dân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động thường ngày của người dân.

- Thưởng thức ẩm thực địa phương: Thưởng thức ẩm thực các dân tộc với các món ẩm thực truyền thống như gà nướng, cơm lam, rượu ghè, ốc đá,... và các loại sản vật địa phương, đặc sản núi rừng;...

- Tìm hiểu, tham gia các lễ hội truyền thống và phong tục, tập quán các dân tộc; giao lưu văn nghệ, trình diễn cồng chiêng, nhạc cụ dân tộc;...

- Tham quan, tìm hiểu, mua sắm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ tại địa phương như đan lát, dệt thổ cẩm, tạc tượng,...

- Phát triển các giá trị tăng thêm từ văn hóa các dân tộc như: Văn hóa nghệ thuật, tâm linh các dân tộc,...

### **b. Thị trường du lịch**

#### **i. Thị trường khách nội địa**

- Tập trung thu hút dòng khách nội địa : Khách du lịch tâm linh; Khách du lịch cuối tuần; Khách du lịch sinh thái.

#### **ii. Thị trường khách quốc tế**

- Thông qua các thị trường gửi khách chính trong nước tập trung thu hút dòng khách quốc tế đến từ các nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc), Đông Nam Á và Thái Bình Dương (Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Lào, Campuchia, Úc); tăng cường khai thác thị trường khách cao cấp đến từ các nước Tây Âu (Pháp, Đức, Anh, Hà Lan, Ý, Tây Ban Nha), Bắc Mỹ (Mỹ, Canada) và Đông Âu (Nga, Ucraina). Trong đó:

- Du khách quốc tế đến từ các nước Đông Nam Á.

## **5. Định hướng các tour, tuyến du lịch**

### **i. Tuyến du lịch quốc tế**

Các tuyến này chủ yếu nằm trong hệ thống tuyến du lịch quốc tế “Con đường Di sản Đông Dương” nối Việt Nam - Lào - Campuchia và tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây - EWEC (Con đường hữu nghị) nối Việt Nam - Lào - Thái Lan - Myanmar.

### **ii. Tuyến du lịch liên vùng**

- Tuyến du lịch kết nối Tây Sơn Thượng đạo với các di tích Tây Sơn tại

Bình Định: Pleiku - Tây Sơn thượng đạo tại Gia Lai - Di tích Tây Sơn tại Bình Định.

**iii. Tuyến du lịch chuyên đề: Theo dòng “Tây Sơn”**

Hà Nội gắn với chiến thắng Đống Đa - Ngọc Hồi - Tam Điệp, Ninh Bình (gắn với phòng tuyến Tam Điệp) - Vinh (gắn phượng hoàng trung đô) - Bình Định (gắn với Tây Sơn Hạ đạo) - Gia Lai (gắn với Tây Sơn thượng đạo) - Kiên Giang (gắn với Rạch Gầm - Xoài Mút).

**iv. Tuyến du lịch nội tỉnh**

- Thị xã An Khê (Di tích gắn với Tây Sơn thượng đạo, các di tích sơ kỳ đá cũ ở An Khê) - di tích lịch sử chiến thắng Đăk Pơ (huyện Đăk Pơ) - đèo Mang Yang (huyện Mang Yang) - thành phố Pleiku (Biển Hồ, Công viên địa chất Gia Lai, Quảng trường Đại Đoàn Kết, Nhà lao Pleiku, Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Gia Lai - Kon Tum, Bảo tàng tỉnh Gia Lai,...).

- Thị xã An Khê (Di tích gắn với Tây Sơn thượng đạo, các di tích sơ kỳ đá cũ ở An Khê) - Thác Ya Ma (huyện Kông Chro) - huyện Ayun Pa - Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai (huyện Krông Pa).

- Pleiku (Biển Hồ, Công viên địa chất Gia Lai, Bảo tàng tỉnh Gia Lai,...) - Vườn Mít, cánh đồng cô Hầu (qua Đăkpơ, làng Stor) - An Khê Đình, An Khê Trường (thị xã An Khê) - Các di tích sơ kỳ đá cũ ở An Khê - Nền Nhà ông Nhạc - Pleiku.

- Pleiku - Đak Đoa - Mang Yang - Đak Pơ - An Khê - Kbang: Các điểm tham quan trên tuyến: Biển Hồ; Vườn quốc gia Kon Ka Kinh; Di tích chiến thắng Đak Pơ; Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo; Các di tích sơ kỳ đá cũ ở An Khê, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng;...

**6. Định hướng tuyên truyền, quảng bá**

- Tăng cường quảng bá tuyên truyền quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo, cũng như các điểm tham quan, du lịch khác của tỉnh Gia Lai trên các phương tiện truyền thông như: Website du lịch của tỉnh Gia Lai, website của thị xã An Khê, huyện Đak Pơ, huyện Kông Chro, huyện Kbang, các website về du lịch, các mạng xã hội; ...

- Tăng cường công tác quảng bá thông qua các hội chợ, các sự kiện được tổ chức tại thị xã An Khê, các huyện trong tỉnh và các địa phương khác.

- Phát hành các ấn phẩm quảng bá, tuyên truyền: logo, tờ rơi, tập gấp, sách giới thiệu, bản đồ du lịch, đĩa CD...

- Có chính sách mời chào các Công ty lữ hành, các cơ quan báo chí đến khảo sát, giới thiệu các sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch tại khu di tích, tổ chức các tour, tuyến du lịch tại khu di tích và kết nối với các điểm du lịch khác trong và ngoài tỉnh.

- Ưu tiên hỗ trợ kinh phí nhà nước cho thông tin tuyên truyền, xúc tiến

quảng bá cho quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo.

- Huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch.

## **7. Đào tạo nguồn nhân lực và giáo dục cộng đồng**

- Đào tạo ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ phát triển du lịch cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư. Để triển khai kế hoạch đào tạo, tập huấn, tuyên truyền cần huy động đội ngũ chuyên gia, giáo viên, sinh viên từ các trường, các trung tâm đào tạo, hướng nghiệp sẵn có trên địa bàn tỉnh để cùng tham gia thực hiện.

- Tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua các chuyến khảo sát, học hỏi các mô hình du lịch ở các địa phương khác, tham gia hội nghị, hội thảo khoa học về phát triển du lịch, du lịch bền vững do các địa phương và các ngành tổ chức.

- Khuyến khích các tổ chức kinh tế, kinh tế - xã hội, doanh nghiệp tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch.

- Đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ giao tiếp cơ bản cho cán bộ công chức quản lý, người lao động tại các đơn vị kinh doanh du lịch, người dân trực tiếp phục vụ khách du lịch tại địa phương.

- Giáo dục bồi dưỡng những kiến thức về văn minh thương mại, văn minh du lịch cho cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch.

- Hỗ trợ đầu tư kinh phí từ nguồn ngân sách và xã hội hóa cho công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giáo dục cộng đồng.

## **VI. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN**

### **1. Nguyên tắc định hướng phát triển không gian khu vực quy hoạch**

- Bảo tồn, tôn tạo toàn bộ các điểm di tích, các khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp.

- Bố trí các khu chức năng không làm ảnh hưởng tới cảnh quan khu di tích.

- Tôn trọng địa hình, tận dụng tối đa các yếu tố tự nhiên, hạn chế việc phá vỡ cảnh quan thiên nhiên.

### **2. Đề xuất hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan**

Không gian phát triển gồm hai khu trung tâm và hệ thống các điểm tham quan còn lại trong quần thể di tích. Định hướng phát triển 2 khu trung tâm:

- **Khu trung tâm lễ hội:** Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo ở thị xã An Khê là động lực phát triển và kết nối với lễ hội Tây Sơn ở Quy Nhơn (Bình Định).

+ Định hướng: Phát triển thành trung tâm văn hóa và tổ chức lễ hội dựa trên cơ sở di tích gốc và mở rộng ranh giới để xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ nhằm phát huy giá trị di tích.

+ Sản phẩm du lịch: Du lịch văn hóa, tâm linh; Các hoạt động lễ hội, sự kiện; Các hoạt động trải nghiệm

- **Khu trung tâm du lịch sinh thái, trải nghiệm:** yếu tố chính là Vườn mít, cánh đồng Cô Hầu.

+ Định hướng: Phát triển thành trung tâm sinh thái trên cơ sở di tích gốc và mở rộng ranh giới để xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ nhằm phát huy giá trị di tích.

+ Sản phẩm du lịch: Du lịch sinh thái; Du lịch trải nghiệm; Du lịch tâm linh

- Ngoài 2 không gian trên còn có điểm tham quan khác như:

+ Điểm tham quan hồ nước, nền Nhà, kho tiền ông Nhạc và các điểm tham quan khác trong quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo: Miếu xà; hòn đá ông Nhạc; Hòn Bình, Hòn Nhựa, Hòn Tào, ....

+ Các điểm tham quan khác: Thác Đăk lóp, Thác Hang Dơi, Làng kháng chiến Stor, Di tích Chiến thắng Đak pơ, Đồi thông Đak pơ,... Hồ Ayun Hạ, Thác Phú Cường, Vua nước, Vua lửa, làng kháng chiến Stor,...

### **3. Phân khu chức năng**

Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo khoanh vùng bảo vệ lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích được phân thành các 2 khu sau:

**a. Khu trung tâm lễ hội gồm An Khê Đình, An Khê Trường, lũy An Khê và công trình Bảo tàng Tây Sơn, tại phường Tây Sơn, thị xã An Khê**

- Là trung tâm văn hóa, tâm linh, lễ hội, điểm nhấn, phục vụ các nhu cầu về tín ngưỡng, tôn vinh những nhân vật lịch sử, anh hùng hào kiệt.

- Là trung tâm trưng bày tư liệu, tìm hiểu lịch sử về Phong trào nông dân Tây Sơn (Tây Sơn thượng đạo); là trung tâm dịch vụ, nghỉ ngơi và du lịch trải nghiệm.

#### **i. Phân khu chức năng**

+ Khu vực di tích: Bao gồm An Khê Trường và An Khê Đình trong đó có các hạng mục chức năng, và cây xanh cảnh quan trong khuôn viên di tích.

+ Khu vực quảng trường lễ hội. Các khu chức năng gồm: Sân lễ hội; Tượng đài Tây Sơn tam kiệt; Cây xanh cảnh quan.

+ Khu đền thờ Tây Sơn tam kiệt. Các khu chức năng bao gồm đền thờ Tây Sơn tam kiệt, nhà đón tiếp, nhà sắp lễ, cây xanh cảnh quan.

+ Bảo tàng Tây Sơn thượng đạo. Bảo tàng cần bổ sung thêm các hạng mục: Khu trưng bày ngoài trời; Phòng chiếu phim; Phòng hội thảo; Thư viện.

+ Cây xanh cảnh quan; Khu dịch vụ đón tiếp. Các khu chức năng bao gồm các công trình: Nhà đón tiếp, nhà dịch vụ.

+ Công viên chuyên đề. Các khu chức năng bao gồm: Hồ cảnh quan, cây xanh cảnh quan, giao thông, bãi đỗ.

## **ii. Kiến trúc cảnh quan, giải pháp quy hoạch các công trình trọng điểm**

+Khu vực di tích An Khê Đình và An Khê Trường: Khoanh vùng bảo vệ di tích. Tu bổ, tôn tạo lại các công trình đã xuống cấp. Xây dựng mới các bia dẫn tích.

+Quảng trường lễ hội: bảo quản, tu bổ sân lễ hội, tượng đài Tây Sơn tam kiệt, kết cấu sân lát gạch granit hoặc đá; hệ thống cây xanh

+Khu đền thờ Tây Sơn tam kiệt: bảo quản, tu bổ các thành phần kiến trúc. Đồng thời, kết hợp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan mang đậm bản sắc văn hóa địa phương, tái hiện đặc trưng không gian cộng đồng, lối sống, phong tục tập quán dân cư bản địa tạo nên khu di tích gắn kết hài hòa về không gian cũng như phong cách kiến trúc với tổng thể khu vực.

+Nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo: Nâng tầm nhà trưng bày Tây Sơn thượng đạo hiện tại thành Bảo tàng Tây Sơn thượng đạo thuộc Bảo tàng tỉnh Gia Lai làm nơi trưng bày hiện vật lịch sử về phong trào nông dân Tây Sơn. Bổ sung thêm các hạng mục: Khu trưng bày ngoài trời; Phòng chiếu phim; Phòng hội thảo; Thư viện. Xây dựng mới đồng bộ hệ thống sân bãi trong khu vực; cây xanh cảnh quan kết hợp trưng bày đặt các hiện vật có giá trị lịch sử của phong trào Tây Sơn.

+Khu dịch vụ đón tiếp: Xây dựng mới khu dịch vụ đón tiếp tại khu vực giáp bảo tàng Tây Sơn thượng đạo và khu dịch vụ đón tiếp giáp khu vực An Khê Đình phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi và mua sắm đồ lưu niệm của du khách. Kiến trúc công trình dựa trên kiến trúc cổ truyền thống mang đến sự gần gũi, thân thuộc, hòa hợp với kiến trúc truyền thống đậm đà văn hóa của khu di tích.

+Công viên chuyên đề: cây xanh cảnh quan trồng cây xanh và kết hợp đặt sa bàn phong trào Tây Sơn, biểu tượng phong trào Tây Sơn thu nhỏ và tượng đài 3 anh em nhà Tây Sơn.

- Giải pháp tổ chức cảnh quan cây xanh, mặt nước:

+Các không gian xanh từ bên trong cho đến ngoài các công trình và giữa các công trình với nhau, kèm theo là các yếu tố mặt nước và cây tạo cảnh như hoa, cỏ và kiến trúc nhỏ, tạo thành các yếu tố điểm nhấn. Vị trí cần được nghiên cứu tại các điểm sao cho phù hợp với công năng sử dụng, có hướng tổ chức và khai thác cho phù hợp.

+Trồng cây xanh đúng chủng loại quy định, đúng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc. Tận dụng tối đa không gian mặt nước hiện trạng tạo cảnh quan cho khu vực quy hoạch.

### ***b. Khu trung tâm du lịch sinh thái***

Khu vực di tích vườn mít, cánh đồng cô Hầu tại xã Nghĩa An, huyện Kbang; cùng các điểm di tích khác là trung tâm du lịch sinh thái của Quần thể di tích phong trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn thượng đạo).

- Điểm di tích vườn mít, cánh đồng cô Hầu là nơi tổ chức hoạt động tưởng niệm công lao của bà Yã Đố, phục vụ tham quan, nghiên cứu tìm hiểu lịch sử.

### ***Phân khu chức năng***

+Khu vực di tích bao gồm vườn mít, cánh đồng cô Hầu. Khu vực trồng phục hồi vườn mít. Khoanh vùng bảo vệ di tích, đặt mới các bia dẫn tích giới thiệu về giá trị lịch sử của di tích.

+Khu vực trồng phục hồi vườn mít: Trồng mới, trồng bổ sung, thay thế các cây mít đã chết trong khu vực. Rừng hiện trạng .

+Khu tâm linh: Xây dựng mới 01 đền thờ bà Ya Đố; trồng mới cây xanh cảnh quan xung quanh đền thờ

+Nhà dịch vụ đón tiếp có. Bao gồm các công trình chức năng: Nhà quản lý, nhà đón tiếp, đường giao thông, bãi đỗ xe, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật; trồng mới cây xanh cảnh quan.

+Khu nông nghiệp hiện trạng.

Công trình xây dựng dựa trên kiến trúc cổ truyền thống mang đến sự gần gũi, thân thuộc, hòa hợp với kiến trúc truyền thống đậm đà văn hóa của khu di tích.

### ***c. Điểm di tích lịch sử Miếu xà***

- Tọa lạc tại thôn Thượng An, xã Song An, thị xã An Khê.

- Khu vực di tích miếu xà khoanh vùng bảo vệ di tích, đặt mới các bia dẫn tích giới thiệu về di tích miếu xà và cây ké phát cờ, cây cày nổi trồng.

- Khu vực công cộng xây dựng mới nhà truyền thống, sân bãi đỗ xe khi có du khách dừng chân vào thăm quan di tích. Xây dựng mới 01 nhà vệ sinh.

### ***d. Điểm di tích lịch sử nền nhà, hồ nước ông Nhạc***

- Tọa lạc tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro.

- Khu vực di tích hồ nước nền nhà khoanh vùng bảo vệ di tích hồ nước nền nhà ông Nhạc; Giữ nguyên vị trí và quy mô công trình hiện trạng.

- Đặt mới 01 bia dẫn tích tại lô đất cây xanh vùng đệm 03 thay thế cho 2 bia dẫn tích hiện trạng đang đặt tại vị trí gần khu cổng vào di tích. Xây dựng mới 01 chòi nghỉ gần hồ nước ông Nhạc, trồng mới cây xanh cảnh quan.

### ***e. Điểm di tích lịch sử Kho tiền ông Nhạc***

- Tọa lạc tại làng Đê Hlang, xã Yang Nam, huyện Kông Chro.

- Khu vực di tích kho tiền khoanh vùng bảo vệ di tích.

- Xây dựng mới bia dẫn tích.

### ***f. Điểm di tích lịch sử hòn đá ông Nhạc***

- Tọa lạc tại làng Đê Chợ Gang, xã Phú An, huyện Đak Pơ.

- Khoanh vùng bảo vệ di tích khu vực di tích hòn đá ông Nhạc. Giữ nguyên vị trí và quy mô công trình hiện trạng.

- Xây dựng mới 01 bia dẫn tích. Xây dựng mới 01 chòi nghỉ trong khu vực cây xanh vùng đệm di tích.

#### **4. Quy hoạch sử dụng đất**

##### **a. Quan điểm**

- Phát triển đất đai phục vụ các mục tiêu dài hạn cho khu di tích, dự báo quy mô sử dụng đất đai xây dựng khu di tích hiệu quả, hạn chế tới mức thấp nhất việc ảnh hưởng tới di tích, môi trường tự nhiên, xã hội. Huy động cao nhất từ mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần đề xuất các giải pháp quy hoạch trong đồ án.

- Bảo vệ và sử dụng hiệu quả, hợp lý đất đai.

- Quy hoạch sử dụng đất đai đảm bảo phù hợp với tính chất khu di tích đảm bảo phát triển văn hóa, du lịch bền vững...

##### **b. Quy hoạch sử dụng đất**

###### *Các chỉ tiêu về sử dụng đất*

- Mật độ xây dựng tùy theo các khu chức năng 5% - 25%,

Trong đó:

+ Khu dịch vụ 15% - 40%

+ Khu công viên công cộng, công viên cây xanh 2% - 5%.

+ Khu công viên chuyên đề là 20% - 25%.

- Tầng cao trung bình 1 - 2 tầng

- Mật độ cây xanh tùy theo các khu chức năng: 10% - 60%

- Mật độ giao thông trung bình 10% - 30%

### **VII. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

#### **1. Giao thông**

##### **a. Căn cứ thiết kế**

- Bản đồ Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

- Bản đồ đo đạc địa hình tỷ lệ 1/2000 và 1/500 khu vực lập quy hoạch;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thiết kế giao thông đô thị;

##### **b. Nguyên tắc thiết kế**

- Tuân thủ định hướng giao thông của Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải tỉnh Gia Lai đến năm 2020.

- Mạng lưới giao thông thiết kế được tổ chức hợp lý theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về đường đô thị và đảm bảo đi lại an toàn, thuận lợi giữa các khu chức năng của đô thị với mạng đường hiện có hoặc đang được đầu tư xây dựng trên địa bàn.

- Mạng lưới đường đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc bố trí hệ thống hạ

tầng kỹ thuật đô thị trên tuyến đường.

- Tổ chức mạng lưới đường phố sao cho lưu thông giao thông được thuận tiện nhất. Các tuyến đường xây dựng mới hoặc cải tạo phải có quy mô mặt cắt. Độ dốc đảm bảo thoát nước mặt sao cho nhanh nhất.

### **c. Mạng lưới giao thông**

Tỷ lệ giao thông trung bình toàn khu vực: <30%. Với các cấp sau:

1. Đường chính vào khu di tích phục vụ giao thông cơ giới: kết cấu đường bê tông xi măng hoặc bê tông asphalt.

- |                           |              |
|---------------------------|--------------|
| - Số làn xe               | 1 - 2 làn xe |
| - Tốc độ thiết kế         | 20 - 30 km/h |
| - Bề rộng làn xe          | 3,0 m        |
| - Bề rộng đường tối thiểu | 15 m         |

2. Đường phân khu chức năng:

- |                           |              |
|---------------------------|--------------|
| - Tốc độ thiết kế:        | 20 - 30 km/h |
| - Bề rộng làn xe          | 2,55 m       |
| - Bề rộng đường tối thiểu | 7 m          |

3. Các đường nội bộ: bề rộng đường từ 1,5 - 3 m.

## **2. Chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa**

### **Cơ sở thiết kế áp dụng cho tính toán**

- Bản đồ đo đạc địa hình tỷ lệ 1/2000 và 1/500 khu vực lập quy hoạch;
- Các đồ án quy hoạch đã phê duyệt và đang triển khai trong khu vực;
- Các tiêu chuẩn và quy chuẩn quy hoạch xây dựng:

#### **a. San nền**

- Độ dốc dọc đường thiết kế theo các quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông và thoát nước mặt thuận lợi nhất.

- Đảm bảo độ dốc san nền tối thiểu đạt 0,5% và không quá 10%.

- Điểm di tích vườn mít, cánh đồng cô Hầu: Đây là khu vực đồi núi có độ dốc địa hình lớn nên chỉ san gạt các khu vực xây dựng công trình bao gồm khu tâm linh dự kiến xây dựng đền thờ bà Ya Đố, khu vực xây dựng công trình dịch vụ và xây dựng bãi đỗ xe, để tạo mặt bằng xây dựng công trình.

- Một số điểm di tích lập quy hoạch có địa hình bằng phẳng, giáp với đường quốc lộ gồm: Miếu xà, cây ké phát cờ, cây cày nổi trống; Điểm di tích hồ nước, nền nhà ông Nhạc; Điểm di tích Kho tiền ông Nhạc; Điểm di tích hòn đá ông Nhạc, và các điểm khác không san lấp mặt bằng khu vực chỉ bóc bỏ lớp đất hữu cơ cải tạo nền đất để trồng cây xanh.

#### **b. Thoát nước mưa**

- Nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh nắp đan kích thước B300-



B500 được đặt dọc theo các trục đường dạo, sân bãi trong các khu chức năng rồi xả về các công thoát nước kích thước D400 - D600 được đặt theo các trục giao thông để thoát nước cho từng khu chức năng.

- Hệ thống thoát nước mưa thiết kế được đầu nối với các tuyến thoát nước bố trí trên các trục đường giao thông đã được quy hoạch theo đồ án quy hoạch chung thị xã An Khê đã được phê duyệt.

+ Sử dụng hệ thống thoát nước riêng.

+ Tận dụng địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

+ Mạng lưới thoát nước có chiều dài các tuyến rãnh thoát nước ngắn nhất, đảm bảo thời gian thoát nước mặt là nhanh nhất.

+ Hạn chế giao cắt của hệ thống rãnh thoát nước với các công trình ngầm khác trong quá trình vạch mạng lưới.

+ Độ dốc rãnh thoát nước cố gắng bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn cống, đảm bảo điều kiện làm việc về thủy lực cũng như giảm khối lượng đào đắp cống.

### 3. Cấp điện

- Chỉ tiêu và cơ sở áp dụng cho tính toán điện năng tiêu thụ trong công trình áp dụng theo: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình cấp điện; Tuyến tập tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;

- Công trình di tích: 0,02 kw/m<sup>2</sup> sàn

- Khu bãi đỗ xe: 0,03 kw/m<sup>2</sup> sàn

- Các công trình công cộng: 0,02 kw/m<sup>2</sup> sàn

- Chiều sáng cây xanh, công viên: 0,002 kw/m<sup>2</sup>

- Chiều sáng giao thông: 5 lx

- Nguồn cấp điện cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ đường điện 22KV được quy hoạch theo đồ án quy hoạch chung xây dựng thị xã An Khê đã được phê duyệt.

- Hệ thống trạm biến áp: Dự kiến xây dựng 01 trạm biến áp đặt tại công viên chuyên đề phục vụ nhu cầu cấp điện cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch.

- Lưới điện hạ áp 0,4KV: Mạng lưới điện 0,4KV trong khu vực được thiết kế hạ ngầm sử dụng cáp ngầm Cu/xlpe/dsta/pvc tiết diện dây 16-90mm<sup>2</sup>.

- Lưới điện chiếu sáng: Cấp điện chiếu sáng trên hệ thống sử dụng cáp ngầm Cu/xlpe/dsta/pvc-4x16mm<sup>2</sup>.

- Toàn bộ hệ thống chiếu sáng giao thông đường chính trong khu di tích dùng bóng Sodium cao áp công suất 150 - 400w. Khoảng cách trung bình giữa các cột đèn từ 20 - 30m.

- Hệ thống đường dạo sử dụng bóng đèn trang trí 4 bóng công suất 30w/bóng.

- Hệ thống chiếu sáng đường được lấy từ tủ điện chiếu sáng trong trạm biến áp.

#### 4. Cấp nước

- Chỉ tiêu và cơ sở áp dụng cho tính toán trong công trình áp dụng theo: Tuyển tập tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam; Quy chuẩn xây dựng, kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình cấp nước.

- Khách tham quan: 50 lít/người
- Các công trình di tích: 2 lít/m<sup>2</sup>/năm
- Các công trình dịch vụ: 2 lít/m<sup>2</sup> sàn/năm
- Nước tưới cây: 3 lít/m<sup>2</sup>/năm
- Nước rửa đường: 0,5 lít/m<sup>2</sup>/năm

- Nguồn nước cấp cho di tích được lấy trên đường ống cấp nước D100 đặt trên trục đường quy hoạch, nguồn nước ngầm, giếng khoan tại khu vực xây dựng bãi đỗ xe trong khu di tích

- Nước cấp phục vụ tưới cây rửa đường sẽ được lấy từ hồ cảnh quan, giếng khoan, suối, hệ thống mương thủy nông gần khu di tích.

#### 5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

##### a. Thoát nước

- Chỉ tiêu và cơ sở áp dụng cho tính toán trong công trình áp dụng theo Tuyển tập tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thoát nước; quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng..

- Tỷ lệ thu gom nước bẩn 80% - 90% lượng nước cấp;
- Lượng chất thải rắn phát sinh 0,90 kg/người-ngày
- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom 90% - 100% lượng rác thải rắn phát sinh.

- Tại khu vực di tích Lũy An Khê, An Khê trường, An Khê đình, Gò chợ và di tích lịch sử vườn mít, cánh đồng cô Hầu có diện tích quy hoạch và số lượng công trình phát sinh nước thải lớn sẽ thiết kế hệ thống thoát nước thải chảy riêng.

- Tận dụng địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy, hạn chế đặt bơm xả thải để giảm bớt chi phí đầu tư.

- Mạng lưới thoát nước có chiều dài các tuyến rãnh và các tuyến cống thoát nước ngắn nhất, đảm bảo thời gian thoát nước là nhanh nhất.

- Hạn chế giao cắt của hệ thống thoát nước với các công trình ngầm khác trong quá trình vạch mạng lưới.

- Độ dốc cống thoát nước cố gắng bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn cống, đảm bảo điều kiện làm việc về thủy lực cũng như giảm khối lượng đào đắp.

- Các điểm di tích khác nước thải phát sinh sẽ được xử lý trực tiếp tại các

khu chức năng qua các bể phốt ba ngăn đặt tại công trình rồi xả vào hệ thống thoát nước mưa thiết kế.

b. Vệ sinh môi trường

- Chất thải rắn của di tích là chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động của di tích, đặc biệt là các hoạt động tham quan du lịch.

- Giải pháp xử lý: Thực hiện phân loại tại nguồn thành các loại: Chất thải có thể dùng để tái chế, tái sử dụng và chất thải phải tiêu hủy hoặc chôn lấp. Chất thải rắn được thu gom tại các điểm di tích và xử lý cục bộ theo phương pháp chôn lấp. Trong các giai đoạn sau, khi lượng khách đông và điều kiện cho phép sẽ thu gom từ các điểm di tích và vận chuyển về điểm tập kết, xử lý rác thải của các huyện Kbang, Đăk Pơ, Kông Chro và thị xã An Khê.

- Các điểm di tích đều được bố trí hệ thống các thùng rác tại vị trí xây dựng các công trình và công viên cây xanh để thu gom rác thải.

## CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

### I. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC NGHIÊN CỨU

#### 1. Môi trường tự nhiên

##### a. Điều kiện tự nhiên

Hệ sinh thái trong khu vực mang đậm đặc trưng của vùng Tây Nguyên, địa hình đa dạng và thực vật phong phú, có núi, có đồi, có thung lũng rộng, dân cư thưa thớt.

##### b. Chất lượng môi trường hiện trạng

- Chất lượng đất: Đất trong khu vực tương đối tốt cho mục đích nông, lâm nghiệp, cảnh quan. Trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch, hoạt động chính của dân cư là nông nghiệp nên tác động môi trường ít, dễ khắc phục. Các yếu tố tác động đến môi trường đều trong phạm vi tiêu chuẩn cho phép QCVN.

- Chất lượng nước: Nước mặt trong khu vực nghiên cứu chưa bị ô nhiễm. Chất lượng nước ngầm khu vực dự án vẫn đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và sản xuất cho người dân.

- Chất lượng môi trường không khí: Hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chủ yếu là đất nông nghiệp, đất ở, chưa có loại hình công nghiệp nào gây ô nhiễm môi trường không khí. Chất lượng môi trường không khí tương đối tốt.

##### c. Quản lý rác thải, nước thải

Trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch rác thải một phần được thu gom và xử lý, một phần vẫn được các hộ dân tự thu gom và tự xử lý bằng đốt hoặc chôn lấp tại các hộ gia đình. Hiện tại nước thải sinh hoạt trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chủ yếu tự thấm hoặc thoát thẳng xuống ao hồ không đảm bảo vệ sinh môi trường. Vấn đề rác thải, nước thải là vấn đề môi trường chính của khu vực dự án.

#### 2 Môi trường xã hội

##### a. Tác động đến môi trường cảnh quan tự nhiên

Quần thể di tích tạo nên một khu vực cảnh quan thiên nhiên đẹp, thanh bình, đã tạo điều kiện vi khí hậu tốt hơn cho khu vực quy hoạch.

##### b. Tác động đến môi trường giáo dục

Giúp người dân địa phương và du khách đến thăm quan hiểu rõ hơn về lịch sử truyền thống đấu tranh yêu nước của nhân dân các dân tộc Gia Lai, về khởi nghĩa Tây Sơn và anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ.

Các công trình kiến trúc đã có những nghiên cứu khai thác những giá trị kiến trúc mỹ thuật truyền thống để làm cho du khách thực sự cảm thụ được những di sản quý báu mà cha ông xưa để lại ngoài ra tạo thêm một môi trường giáo dục văn hóa, nghệ thuật cho người dân.

Thay đổi nâng cao nhận thức, lối sống của người dân địa phương tạo cơ hội

giao lưu văn hóa và cải thiện môi trường văn hóa vốn có theo xu hướng tích cực hơn và làm cho người dân thấy rõ trách nhiệm và lòng tự hào được gìn giữ những di sản văn hóa quý giá. Đồng thời cảnh báo người dân có ý thức thực hiện, tuân thủ quy hoạch.

c. Tác động đến môi trường kinh tế xã hội và xã hội

Góp phần tăng thêm nhiều việc làm cho người lao động, sẽ góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra môi trường sống tốt hơn cho người dân.

d. Tác động đến môi trường y tế, vệ sinh dịch tễ

Quy hoạch đồng bộ tránh được tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải và rác bần , tạo môi trường trong an toàn cho nhân dân trong khu vực quy hoạch.

## **II. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG**

- Phân tích những tác động đến môi trường tự nhiên: Tác động đến môi trường không khí, Nguồn gây ô nhiễm không khí, Các thành phần gây ô nhiễm không khí. Tác hại của một số loại khí độc đến sức khoẻ và môi trường. Tác động đến môi trường nước, Tiếng ồn. Chất thải rắn phát sinh từ công nhân tuy khối lượng nhỏ nhưng nếu không giữ vệ sinh chung, chất thải rắn sẽ làm tăng khả năng sinh sôi của các loài gây bệnh truyền nhiễm như ruồi và muỗi. Tác động đến môi trường đất và hệ sinh thái. Tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất

- Đánh giá tác động đến các yếu tố kinh tế - xã hội, đến đời sống dân cư và văn hóa xã hội. Quy hoạch có những ảnh hưởng phần nào đến đời sống xã hội của dân cư trong khu vực và nhân dân địa phương. Quy hoạch được thực hiện sẽ làm thay hoàn chỉnh các công trình kiến trúc cảnh quan và đời sống văn hóa của nhân dân địa phương.

- Tác động đến hệ sinh thái khu vực khi quy hoạch được hoàn thành và đi vào hoạt động sẽ có tác động tích cực đến hệ sinh thái khu vực với hệ thống cây xanh, mặt nước được tổ chức hợp lý.

- Dự báo các sự cố môi trường: Hỏa hoạn, Sự cố giao thông

- Tác động tích cực

+Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo được xây dựng và đi vào hoạt động sẽ tạo thành động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của khu vực mang lại các tác động cơ bản đối với môi trường kinh tế - xã hội như :

+Tạo thêm việc làm và cơ hội kinh tế cho dân cư địa phương; Mang lại thu nhập cho dân cư; Thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

+Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng xã hội; Nâng cao đời sống văn hóa và tạo ra cơ hội giao lưu văn hóa và tăng cường nhận thức;

+Góp phần bảo quản, tu bổ, phục hồi các giá trị văn hóa lịch sử, cảnh quan môi trường thiên nhiên của khu vực.

- Tác động tiêu cực

+ Ngoài những mặt tích cực đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Quần thể di tích sau khi đi vào hoạt động sẽ phát sinh một số vấn đề cần lưu tâm như:

+ Tăng giá cả sinh hoạt; Tăng giá đất đai và bất động sản;

+ Tăng cạnh tranh công việc; Phát sinh một số tệ nạn xã hội.

### **III. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

- Giảm thiểu tác động của quy hoạch đến môi trường tự nhiên bao gồm một hệ thống các biện pháp, bao gồm biện pháp quản lý, kinh tế, kỹ thuật... với mục đích chủ yếu là khống chế và hạn chế khả năng xảy ra các sự cố

- Biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm và sự cố.

- Biện pháp kỹ thuật khống chế ô nhiễm và xử lý chất thải.

- Biện pháp quản lý và kỹ thuật giảm thiểu các tác động môi trường.

- Các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống sự cố môi trường và đảm bảo trật tự trị an

- Hạn chế tác động đến môi trường xã hội, tăng cường các chương trình giáo dục nhận thức cộng đồng và văn minh du lịch.

## CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ

### I. KHÁI TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ

#### 1. Căn cứ lập khái toán kinh phí đầu tư

- Quyết định số 706/QĐ-BXD ngày 30/6/2017 của Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2016.

- Báo giá vật liệu xây dựng trên thị trường hiện nay.

#### 2. Kinh phí đầu tư xây dựng

- CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH	1.197.020.000 đồng;
- CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN LẬP QUY HOẠCH	1.877.412.000 đồng;
- CHI PHÍ DỰ PHÒNG	153.722.000 đồng;
- TỔNG CHI PHÍ	3.228.154.000 đồng.

Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi tư nghìn đồng.

#### 3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Vốn ngân sách

- Vốn xã hội hóa

### II. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ SẢN PHẨM

#### 1. Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ

a) Hồ sơ sản phẩm bảo đảm tuân thủ các quy định tại Luật di sản văn hóa; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác về xây dựng có liên quan, bao gồm:

##### - Phần bản vẽ:

+ Bản đồ vị trí và mối liên hệ vùng giữa di tích với các điểm di tích khác trong khu vực, tỷ lệ 1/5000 và 1/15000;

+ Bản đồ đánh giá hiện trạng tổng hợp về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan và đánh giá quỹ đất dự kiến mở rộng, tỷ lệ 1/2000 (xây dựng trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực);

+ Bản đồ đánh giá hiện trạng tổng hợp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000 (xây dựng trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực);

+ Bản đồ xác định các phần đất mở rộng, các khu vực cần giải tỏa vi phạm, tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ xác định các khu vực bảo vệ và cắm mốc giới di tích, tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và những công trình xây dựng mới, tỷ lệ 1/2000;

- + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng bảo quản, tu bổ, phục hồi khu vực bảo vệ I của di tích tỷ lệ 1/500;
- + Các bản vẽ phối cảnh minh họa không gian quy hoạch di tích (nếu có);
- + Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000;
- + Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/2000, bao gồm: (chuẩn bị kỹ thuật, cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước thải và vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, thông tin liên lạc, tổng hợp đường dây, đường ống);
- + Bản đồ đánh giá tác động môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/2000;

#### ***Phân văn bản:***

- + Báo cáo thuyết minh tổng hợp; các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch di tích và văn bản khác có liên quan.
  - + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch.
  - + Dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.
- Lưu dữ liệu: USB lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Giải pháp về cơ chế hỗ trợ và thu hút vốn đầu tư**

- Thiết lập các dự án đầu tư thành phần, phân loại, phân giai đoạn để thực hiện và huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; vốn đầu tư từ các doanh nghiệp; vốn huy động xã hội hóa từ các nguồn công đức, vốn vay;...
- Đề nghị Trung ương có kế hoạch hỗ trợ và bố trí vốn hàng năm cho tỉnh Gia Lai để thực hiện các thành phần theo Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo.
- Được sử dụng nguồn tăng thu của ngân sách trung ương và địa phương theo quy định của Luật ngân sách để bổ sung thực hiện quy hoạch.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phối hợp với các Bộ ngành có liên quan xây dựng phương án huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch.
- Xây dựng chương trình tuyên truyền về giá trị Khu di tích để thông qua đó kêu gọi các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện khu di tích, đặc biệt hướng tới kiều bào xa tổ quốc có tâm lòng hướng về cội nguồn xây dựng đất nước.
- Đề xuất các chương trình đầu tư các hạng mục công trình theo tiến độ thực hiện để từng bước kêu gọi các cá nhân, tổ chức trong cả nước tham gia theo hình thức xã hội hóa.

#### **2. Giải pháp về tăng cường quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng và các hoạt động tại di tích**

- Xây dựng cơ chế chính sách phối hợp chặt chẽ liên ngành trong công tác quản lý.
- Bổ sung nguồn nhân lực và phương tiện cho khu di tích để đảm nhiệm tốt các chức năng.



- Thanh tra, kiểm soát môi trường trong vùng để phát hiện sự cố, những vi phạm pháp lệnh bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và công ước Quốc tế, các hoạt động gây ô nhiễm môi trường để có giải pháp xử lý kịp thời.

- Xây dựng cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác bảo tồn và đầu tư xây dựng. Tạo điều kiện phát huy vai trò của cộng đồng trong việc tham gia bảo vệ, giữ gìn di tích.

- Xúc tiến các chương trình nâng cao năng lực cán bộ chuyên ngành bảo tồn, cung cấp đủ các điều kiện trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác bảo tồn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá về giá trị của khu di tích. Tăng cường công tác quản lý an ninh trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái khu vực di tích.

- Bảo vệ tốt các diện tích đất đã được giao quản lý, không cho phép xây dựng lấn chiếm trái phép, gây khó khăn cho việc thực hiện quy hoạch.

- Mở rộng các chương trình giới thiệu, quảng bá quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo trên các phương tiện truyền thanh, truyền hình, phim, ảnh, sách báo, tạp chí, các phương tiện thông tin truyền thông ở trong và ngoài nước.

### **3. Giải pháp về phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững**

- Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động bảo tồn di tích, phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển du lịch văn hóa.

- Tổ chức các tour tham quan trực tiếp tại di tích. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của di tích trên các phương tiện truyền thông đại chúng của địa phương và Trung ương.

- Gắn liền di tích với lễ hội: Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí lành mạnh, bài trừ các hủ tục và chống biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến cảnh quan di tích. Tổ chức các lễ hội truyền thống chọn lọc có giá trị văn hóa đặc sắc (lễ hội chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, lễ tế ngày giỗ Tây Sơn tam kiệt, lễ hội dân gian gắn với các truyền thuyết về phong trào Tây Sơn...) và các hoạt động sinh hoạt văn hóa truyền thống của địa phương tại di tích.

- Đầu tư phát triển các dịch vụ bổ sung để phục vụ khách tham quan như bán hàng lưu niệm, dịch vụ quay phim, chụp ảnh. Đồng thời, cần bổ sung vào di tích những yếu tố cần thiết nhằm phát huy tác dụng di tích một cách cao nhất như làm đường tham quan, xây dựng tượng đài, các tác phẩm nghệ thuật, tạo công viên xanh, xây dựng nhà trưng bày. Đặc biệt cần chú ý sưu tầm, phục chế các hiện vật thời kỳ Tây Sơn để trưng bày tại nhà trưng bày nhằm giúp du khách có cái nhìn trực quan về những giá trị của di tích.

- Thiết lập mối quan hệ với các khu di tích khác trong khu vực như làng kháng chiến Stor, di tích chiến thắng Đak Pơ, vườn quốc gia Kon Ka Kinh,... tạo một quy trình tham quan hấp dẫn.

- Khai thác tài liệu, tranh ảnh về quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo để phục

vụ dạy học bài học lịch sử ở trên lớp. Nhà trường cần tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo viên bộ môn đến Quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo để sưu tầm tài liệu, tranh ảnh phục vụ dạy học. Sử dụng tài liệu, tranh ảnh về di tích Tây Sơn thượng đạo để soạn giáo án và tiến hành bài học ở trên lớp.

- Tiến hành việc dạy học lịch sử tại di tích Tây Sơn thượng đạo: Tổ chức dạy học bài học lịch sử nội khóa tại một số di tích thuộc quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến quần thể di tích Tây Sơn thượng đạo.

#### **4. Giải pháp bảo tồn di tích và văn hóa địa phương**

- Tổ chức sưu tầm, nghiên cứu hệ thống hóa các truyền thuyết, huyền thoại, lý giải về tên người, tên đất của vùng đất Tây Sơn thượng đạo theo hướng phục vụ cho việc phát triển du lịch là chính.

- Khôi phục lại một số lễ hội truyền thống vốn là thế mạnh của vùng đất này như đấu võ, các môn thể dục thể thao, đua ngựa và một số lễ hội sông nước gắn với “sa không lồ, hồ ông Nhạc”.

- Phát triển du lịch sinh thái nghiên cứu về lịch sử - văn hóa tộc người (Ba Na, Gia Rai) gắn liền với tâm linh và thể thao. Xây dựng và phát triển mô hình du lịch cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của du khách, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao ý thức bảo tồn của người dân địa phương.

- Tăng cường các biện pháp nhằm bảo vệ các giá trị văn hóa, du lịch, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam, tuyên truyền, giới thiệu phong tục tập quán, văn hóa địa phương trong hoạt động du lịch. Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào công tác bảo tồn di sản, các điểm di tích lịch sử văn hoá. Bảo tồn, hỗ trợ gìn giữ văn hóa nghệ thuật dân tộc Ba Na, Gia Rai.

- Phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch.

- Nâng cao ý thức của người dân về ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch văn hoá thông qua các chương trình giáo dục môi trường, tìm hiểu về cuội nguồn và các tuyên truyền mang tính xã hội sâu rộng.

- Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào công tác bảo tồn di sản, các điểm di tích lịch sử văn hoá.

- Bảo tồn, hỗ trợ gìn giữ văn hóa nghệ thuật dân tộc Ba Na, Gia Rai.

- Tạo sự liên kết vùng trong du lịch, đặc biệt giữa hai miền Tây Sơn thượng đạo (thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai) và Tây Sơn hạ đạo (huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), nhằm giới thiệu, quảng bá sâu rộng hơn về các địa danh, di tích lịch sử thời Tây Sơn trên địa bàn tỉnh Gia Lai; góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vùng đất Tây Sơn thượng đạo - căn cứ ban đầu của nghĩa quân Tây Sơn.

#### **5. Giải pháp bảo vệ tài nguyên môi trường**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường văn

hóa là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các quy định bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

- Chất thải khu di tích phải được thu gom triệt để, không để ảnh hưởng đến môi trường.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Tổ chức thực hiện**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện quy hoạch.

##### **2. Tiến độ thực hiện**

Tiến độ thực hiện trong 6 tháng, kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

##### **3. Các cơ quan tham gia**

*Chủ đầu tư*

SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH GIA LAI

*Cơ quan tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch*

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

*Cơ quan thẩm định nhiệm vụ quy hoạch*

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

##### **4. Cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ.